

PHONG TRÀO DUY TÂN

DÂN CHỦ - CÔNG LÝ - THỊNH VƯỢNG

TUẦN SAN 1-2025

PHONG TRÀO DUY TÂN

TUẦN SAN 1-2025

©2025 Phong trào Duy Tân

www.phongtraoduytan.com

Mọi hỗ trợ và liên lạc xin theo địa chỉ email bên dưới:

phongtraoduytanvietnam@gmail.com

Theo dõi trên mạng xã hội:

Facebook: www.facebook.com/phongtraoduytan

X: www.x.com/@phongtraoduytan

Youtube: www.youtube.com/@phongtraoduytan

Liệu Việt Nam có xây dựng trung tâm tài chính quốc tế thành công?	6
Thích Minh Tuệ và ba hành trình bất thường	11
Chế độ nô lệ hiện đại	16
Liệu việc thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình có trở nên dễ dàng hơn không?	24
Những tay sai của Trung Quốc	29
Năm tương lai của nước Nga	44

LIỆU VIỆT NAM CÓ XÂY DỰNG TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ THÀNH CÔNG?



NGUYỄN HUY VŨ

Thủ tướng chính phủ Phạm Minh Chính vào ngày 4/1 công bố Nghị quyết 259 nhằm xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng trở thành những trung tâm tài chính khu vực và quốc tế.

Trả lời câu hỏi rằng Việt Nam đã đủ điều kiện để thành lập trung tâm tài chính quốc tế chưa, ông Chính trả lời rằng Việt Nam đã có đủ năm yếu tố. Năm yếu tố đó, theo ông Chính, là: (1) quy mô nền kinh tế đã đủ lớn, xếp hạng 33 trên thế giới, kinh tế vĩ mô ổn định và tốc độ tăng trưởng kinh tế cao; (2) có những đột phá chiến lược và đạt được những thành quả rất tích cực theo hướng thể chế thông thoáng, hạ tầng thông suốt, quản trị thông minh; (3) mức vốn hoá thị trường cổ phiếu đạt gần 7,2 triệu tỉ đồng, tức khoảng 283 tỉ đô la, và tốc độ tăng trưởng của thị trường chứng khoán đạt 2 con số;

(4) Việt Nam có nền kinh tế mở, hội nhập, và tỉ lệ xuất nhập khẩu gấp 1,7 lần GDP; và (5) chính trị xã hội ổn định.

Để thực hiện chiến lược nhằm đưa Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh trở thành những trung tâm tài chính, ông Chính đề ra các giải pháp tập trung vào năm trọng tâm: (1) phát triển cơ sở hạ tầng tài chính; (2) thu hút nhân tài quốc tế; (3) thúc đẩy đổi mới các công cụ tài chính; (4) mở rộng hội nhập và hợp tác quốc tế; (5) bảo vệ an ninh hệ thống tài chính.

Câu hỏi là liệu một nghị quyết với những chiến lược trên đã đủ để xây dựng Hồ Chí Minh và Đà Nẵng trở thành những trung tâm tài chính khu vực và thế giới chưa?

Trước khi trả lời câu hỏi này, hãy ngược dòng lịch sử để xem lại sự hình thành và vai trò của các trung tâm tài chính thế giới.

Khi nói đến các trung tâm tài chính thế giới, giới doanh nhân luôn nhắc đến New York, Luân Đôn, Hồng Kông, Tokyo, Singapore, Zurich, Frankfurt, Paris, và Thượng Hải.

Sự hiện diện của một trung tâm tài chính trước hết là vì nhu cầu của thị trường cho sự tồn tại của nó. Thị trường tài chính đóng vai trò như một hệ thống giúp luân chuyển tài chính từ người có tư bản sang người cần tư bản mà mục đích cuối cùng là tạo ra giá trị cho xã hội. Vì lý do đó, trung tâm tài chính luôn hiện diện ở những nền kinh tế sôi động, như New York, Luân Đôn, Tokyo, Frankfurt, Paris, và Thượng Hải, hoặc ở những vị trí giao thông toàn cầu thuận lợi nhằm hỗ trợ cho thị trường khu vực như Singapore, Zurich, hay Hồng Kông.

Thị trường tài chính Singapore hỗ trợ cho các doanh nghiệp Đông Nam Á, Zurich cho các thị trường Châu Âu, và Hồng Kông từ rất lâu đóng vai trò như cửa ngõ để thế giới tài chính tiếp cận thị trường Trung Quốc.

Trong cả hai trường hợp, các trung tâm tài chính quốc tế đều có một kết nối rộng rãi và chặt chẽ với các nền kinh tế toàn cầu. Quan trọng nhất, nó tồn tại sẵn ở đó một cơ sở hạ tầng về tài chính lâu đời, trong đó có những quy ước thành văn và bất thành văn được chấp nhận chung trên toàn thế giới. Những quy ước này bao gồm thượng tôn pháp luật, tôn trọng các cam kết quốc tế, đối xử công bằng, minh bạch thông tin, tuân thủ các giá trị đạo đức, và theo đuổi chủ nghĩa tư bản.

Khi Việt Nam quyết tâm hình thành một trung tâm tài chính thế giới, tương tự, câu hỏi đặt ra là một trung tâm tài chính như vậy phục vụ cho thị trường nào và đó chính là lý do cho sự hình thành và tồn tại của nó. Chúng ta không thể bằng một nghị quyết đặt tên nó là trung tâm tài chính quốc tế và nó tự động trở thành một trung tâm tài chính quốc tế được.

Thị trường Việt Nam hiện quá nhỏ. Với GDP chưa tới 500 tỉ đô la Mỹ, còn rất lâu để thị trường tài chính Việt Nam, vốn tồn tại để hỗ trợ cho thị trường nội địa của nó, đủ sức ảnh hưởng để tự mình trở thành một trung tâm tài chính toàn cầu. Hãy nhìn Thổ Nhĩ Kỳ hay Indonesia với nền kinh tế gấp 3 lần Việt Nam, thị trường tài chính của họ vẫn còn rất lâu mới đạt được sự rộng mở, sự công nhận và tin tưởng của giới doanh nghiệp toàn cầu như những trung tâm tài chính thế giới.

Con đường còn lại duy nhất để Việt Nam trở thành một trung tâm tài chính khu vực và sau đó là quốc tế đó là biến mình trở thành một nhà cung cấp chuyên nghiệp các dịch vụ tài chính cho các hoạt động kinh tế trong khu vực. Nói một cách ngắn gọn, Việt Nam đi con đường của Singapore, Hồng Kông hay Zurich. Như vậy, Việt Nam buộc phải cạnh tranh trực tiếp với Singapore.

Hiện tại Việt Nam khó mà cạnh tranh được với Singapore trong cung cấp các dịch vụ tài chính. Có lý do gì để một doanh nghiệp không làm ăn ở Việt Nam lại chọn gửi tiền và thực hiện các giao dịch tài chính với Việt Nam khi mà họ có thể dễ dàng và thuận tiện hơn rất nhiều khi thực hiện các giao dịch đó với các tổ chức của Singapore?

Không phải không có cơ hội để Việt Nam có thể bắt kịp Singapore để trở thành một trung tâm tài chính. Tuy vậy, cái giá để trả nhằm đưa Việt Nam trở thành một trung tâm tài chính quốc tế lại là số phận của đảng Cộng sản.

Như đã nói ở trên, một trung tâm tài chính quốc tế trước hết nó phải bảo đảm việc tôn trọng các cam kết quốc tế, các thành phần kinh tế phải được đối xử công bằng, thông tin phải minh bạch, các giá trị đạo đức trong các giao dịch phải được tôn trọng, và các chính sách phải theo đuổi một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Và như vậy, khi Việt Nam đảm bảo được việc thực thi các chính sách và cam kết đó một cách nhất quán và nghiêm túc, điều đó cũng đồng nghĩa với việc các chính sách đó cũng sẽ phải được áp dụng chung cho toàn xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa lúc

này sẽ phải vất vả vì chính sách này ưu tiên các doanh nghiệp nhà nước và không công bằng cho các thành phần kinh tế khác nhau. Một chính sách bất thành văn khác là chính sách kinh tế dựa trên chủ nghĩa thân hữu, mà trong đó chính quyền dựa trên hệ thống các cá nhân và doanh nghiệp có quan hệ mật thiết với chính quyền, cũng sẽ phải dẹp bỏ.

Trong thể chế kinh tế – chính trị mới nhằm hướng đến một trung tâm tài chính quốc tế, chính quyền buộc phải cư xử trong sự ràng buộc của hệ thống thượng tôn pháp luật và các định chế quốc tế, nó không thể nào duy trì lối hành xử như hiện nay. Việc chính quyền duy trì quyền lực của mình trong sự ràng buộc của pháp luật và các định chế quốc tế đến lượt nó mở đường cho một kỷ nguyên mới — kỷ nguyên dân chủ, nơi mà mọi người và các tổ chức đều phải hoạt động trên cơ sở tuân thủ pháp luật, sự công bằng và các nguyên tắc chung của thế giới tiên bộ.

Nhưng liệu đảng Cộng sản đã sẵn sàng chịu trách nhiệm trong một khuôn khổ của pháp luật, thậm chí pháp luật do mình soạn, hay chưa? Đây là câu hỏi mà bất kỳ ai với một chút hiểu biết xã hội đều có thể trả lời. Nói một cách khác, đảng Cộng sản sẽ không thể nào biến Việt Nam thành một trung tâm tài chính quốc tế được.

Nguồn: Nguyễn Huy Vũ, “Liệu Việt Nam có xây dựng trung tâm tài chính quốc tế thành công?” RFA Tiếng Việt, 8/1/2025.

THÍCH MINH TUỆ VÀ BA HÀNH TRÌNH BẤT THƯỜNG



NGUYỄN HÀ HÙNG

Người Việt Nam đang cùng lúc có ba hành trình bất thường. Đó là cuộc bộ hành đến Ấn Độ của tu sĩ độc lập Thích Minh Tuệ, phong trào người Việt Nam ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đánh lễ tu sĩ Việt Nam. Cả hai hành trình này đều tìm kiếm tự do. Tiếc thay, họ bị kiểm soát bởi một hành trình khác – kiểm soát xuyên biên giới.

Sau khi bị công an bắt cóc đêm 3/6, tu sĩ này không thể đi bộ trên quê hương mình, đồng bào không còn tự do đánh lễ ông. Đó là cột mốc dẫn đến những hành trình trên, bắt đầu hôm 12/12. Đoàn của Thích Minh Tuệ có tám người, thì có ít nhất ba “cựu” sĩ quan công an. Trong đó nổi lên vai trò của ông Nguyễn Văn Báu, tự giới thiệu là công an đã nghỉ hưu.

Ông ta tuyên bố “tình nguyện hỗ trợ thầy Thích Minh Tuệ” và thực hiện “theo tâm nguyện của thầy”. Với giọng điệu và phản xạ góc gác công an, cách thức “hỗ trợ” của “cựu sĩ quan an ninh” này giống như cách thức kiểm soát của chính quyền Việt Nam đối với tu sĩ Thích Minh Tuệ khi còn ở trong nước.

Hỗ trợ mà giống kiểm soát

Trước tiên là cách ly tu sĩ với người dân. Chính quyền thiết lập các chốt gác, không cho phép người dân tự do tiếp cận. Tương tự, theo sắp xếp của Báu, Thích Minh Tuệ phải di chuyển bằng ô tô lên cửa khẩu Bờ Y, biên giới Việt – Lào, sau đó có đoạn dẫn tăng đoàn đi đường rừng. Báu công khai như vậy, video hành trình trên đất Lào cũng cho thấy điều này.

Thứ hai là ngăn chặn ảnh hưởng của Thích Minh Tuệ. Ở trong nước chính quyền cấm phát hành cuốn ghi chép pháp thoại của tu sĩ, ở Lào thì Báu và cộng sự không để tu sĩ trò chuyện với dân. Báu tuyên bố: “Hạnh đâu đã không thuyết pháp” và không đăng tải pháp thoại của Thích Minh Tuệ. Rõ ràng, nhà sư này đang bị hạn chế như khi ở trong nước.

Thứ ba là khái niệm “tập trung đông người”. Giống như chính quyền, Báu thường dùng cụm từ này, ngăn cản người dân tập hợp. Trong video tên là “Quý vị hoan hỉ“, phút 1:25, Báu định lượng là nếu tập trung 50, 60 người thì không thể giao lưu với thầy. Ông ta cảnh báo “không tụ tập, không chạy đua ra nước ngoài để tụ tập” trong video khác, ở phút 35:38.

Thứ tư là đổ lỗi cho dân. Chính quyền ngăn cản Thích Minh Tuệ bộ hành với lý do “nhiều người đi theo ông đã gây ảnh hưởng đến giao thông, trật tự”. Họ lý giải rằng đó là biểu hiện người dân “mê tín“. Tương tự như thế, trong các video được Báu và cộng sự loan tải, họ thường xuyên đổ lỗi dân “tập trung đông người”, ý thức “đu bám”.

Thứ năm là độc quyền truyền thông. Giống như chính quyền Việt Nam nắm toàn bộ hệ thống báo chí, Bái nắm kênh truyền thông riêng, kênh thứ hai là của cộng sự Lê Khả Giáp. Nội dung các kênh này giống nhau: chú trọng bốn đặc điểm nêu trên. Đặc biệt, Bái thường nói thay Thích Minh Tuệ, không thấy video nguyên bản phát ngôn của nhà sư.

Thứ sáu là tốc độ cách ly. Nếu như vụ bắt cóc đêm 3/6 được công an Việt Nam thực hiện chớp nhoáng, thì thời điểm đoàn bộ hành của tu sĩ Minh Tuệ khởi hành hôm 12/12 nhanh hơn kế hoạch của Bái. Cựu sĩ quan an ninh này còn nhờ cha của vị tu sĩ thuyết phục Thích Minh Tuệ đi tới biên giới Lào bằng ô tô, tất nhiên nhanh hơn đi bộ.

Điểm mờ thông tin

Nếu ảnh hưởng rộng lớn của tu sĩ Thích Minh Tuệ có thể cạnh tranh với ảnh hưởng của chính quyền Việt Nam, thì sự nổi tiếng và uy tín của nhà sư không nguy hiểm cho Bái. Nhưng kỳ lạ là các động thái của “cựu sĩ quan an ninh” này có đặc điểm trùng khớp với sự kiểm soát của nhà nước. Mặt khác, thông tin mà Bái công bố có nhiều điểm chưa rõ.

Thứ nhất, Bái nói “Như các bạn đã biết, tôi là người đầu tiên xin được hỗ trợ sư Minh Tuệ”. Câu hỏi đặt ra ở đây là: “Phải chăng tốc độ là yêu cầu quan trọng nhất, nên người đầu tiên được chọn?”; “Có bằng chứng tin cậy nào xác thực những tuyên bố này của Bái? ” Trả lời những câu hỏi này giúp chúng ta đi tới những câu hỏi dưới đây.

Thứ hai, ông ta nói: “Tôi đã nhều lần gặp Thích Minh Tuệ, có những lần nói chuyện với ông tới ba giờ liền”. Câu hỏi đặt ra là: “Báu đã gặp nhà sư khi nào?”; Những gì ông ta chia sẻ trên mạng cho thấy nhiều khả năng những cuộc gặp này diễn ra trong khoảng thời gian nhà sư mất tích và khi chịu sự kiểm soát ở công ty Thiên Định Tuệ, từ 3/6 đến 11/12/2014.

Thứ ba là: “Báu có đặc quyền gì mà tiếp cận được nhà sư ít nhất ba lần vào giai đoạn nhạy cảm này?” Đây là khoảng thời gian không rõ Thích Minh Tuệ ở đâu. Nếu biết địa chỉ, người thường cũng không đi qua được các chốt gác; “Ai có thể cho phép Báu gặp thầy nhiều lần và nhiều thời gian đến thế, nếu không phải là chính quyền?”

Thứ tư là biểu hiện tiếm quyền của Báu. Không phải là trưởng đoàn, không có quyền quyết định, nhưng thực tế Báu hành xử như người quyết định. Ví dụ giới hạn số lương thành viên đoàn, giới hạn số lương người đưa tin, dàn xếp cuộc gặp với nhà sư Lào... Thậm chí ông này còn quyết định không phổ biến pháp thoại của Thích Minh Tuệ.

Cuối cùng, nhưng chưa hết, “Tại sao Báu liên tiếp đuổi vị cao tăng người Lào và tu sĩ Minh Khố?”; Hành động này trái ý Thích Minh Tuệ, nhà sư nhiều lần nói trước công chúng là ông không kêu gọi mọi người theo, nhưng không xua đuổi. “Ai là người được lợi sau hành động xua đuổi hai vị này và việc ngăn cản bà con tiếp cận Thích Minh Tuệ?”

Hành trình của Thích Minh Tuệ và của người dân yêu mến ông là câu chuyện đầy nghịch lý, khi khát vọng tự do bị kiểm soát dù ở trong hay ngoài nước. Những ngăn cản của chính

quyền, sự kiểm soát của bất cứ ai, không chỉ phản ánh xung đột tôn giáo – chính quyền, mà còn đặt ra nhiều câu hỏi về các quyền tự do cơ bản của người Việt Nam.

Khi nào mọi cuộc bộ hành đều thoát khỏi sự kiềm tỏa của chính quyền? Bao giờ người dân Việt Nam không còn phải vượt biên để tìm đến vị tu sĩ của mình? Với hàng triệu người kính ngưỡng Thích Minh Tuệ, chúng ta có thể và nên trung cầu dân ý về những câu hỏi này. Ít nhất nó nhắc nhở rằng khát vọng tự do, dù bị cản trở, vẫn là ngọn lửa không dễ bị dập tắt.

CHẾ ĐỘ NÔ LỆ HIỆN ĐẠI



TRẦN TRUNG ĐẠO

Giới thiệu: Sau 7 giờ tối ngày 25 tháng 12, 1991, chế độ CS toàn trị (totalitarianism), một hệ thống nhà nước bằng phương tiện bạo lực để kiểm soát tuyệt đối và đặt ra ngoài vòng pháp luật mọi hình thức đối lập, tại Liên Xô chính thức cáo chung. Nhưng cũng từ đó, một chế độ toàn trị công nghệ (techno-totalitarianism) ra đời. Chế độ toàn trị mới mang đầy đủ các đặc tính toàn trị cổ điển cộng với các tiến bộ kỹ thuật sau cách mạng tin học đầu thập niên 1990. Tương tự, chế độ nô lệ cổ điển trên danh nghĩa đã bị hủy bỏ tại Mỹ và các nước Châu Âu sau thế kỷ 18, tuy nhiên, trên nhiều phần của thế giới, chế độ nô lệ không hoàn toàn bị hủy bỏ mà chỉ biến thể không chỉ nô lệ thân xác mà còn nô lệ tư tưởng.

Nhiều thư viện Mỹ còn giữ một lá thư đây tranh cãi của Willie Lynch đọc bên bờ sông James, tiểu bang Virginia, năm 1712. Lá thư nhằm cố vấn cho các chủ nô da trắng những cách để kiểm soát nô lệ da đen.

Tranh cãi vì nguồn gốc của lá thư nhiều hơn vì nội dung của nó. Nhiều nhà phân tích và ngôn ngữ học cho đó là lá thư giả nhưng cũng nhiều người cho rằng dù giả hay thật các ý chính

của lá thư phản ánh đúng sự thật lịch sử của chế độ nô lệ tại Mỹ thế kỷ 16.

Theo lá thư, trên đường đến bờ sông James, Willie Lynch bắt gặp cảnh một người nô lệ bị treo cổ trên cành cây, và ông ta phê bình hình phạt này. Willie Lynch phê bình không phải việc làm thất nhân tâm hay thương xót cho số phận người nô lệ mà vì các chủ nô Mỹ phung phí một phương tiện sản xuất.

Bản thân Willie Lynch cũng là một chủ nô và trong mắt chủ nô Willie Lynch con người, con bò hay con ngựa cũng chẳng khác chi nhau. Ông viết trong thư : “Tôi nghĩ thấy mùi của một nô lệ chết treo trên cây cách đó vài dặm. Bạn đang mất đi hàng hóa có giá trị do bị treo cổ, bạn phải đối phó với các cuộc nổi dậy, nô lệ bỏ trốn, mùa màng của bạn đôi khi bị bỏ lại trên cánh đồng quá lâu để có được lợi tức tối đa, thỉnh thoảng bạn bị hỏa hoạn, gia súc của bạn bị giết. Thưa các bạn, các bạn biết vấn đề của các bạn. Tôi không cần phải giải thích chi tiết. Tôi không ở đây để liệt kê các vấn đề của bạn, tôi ở đây để giới thiệu cho bạn phương pháp giải quyết chúng.”

Nói đến đây, Willie Lynch đề ra ba phương pháp để kiểm soát nô lệ, đó là **sợ hãi**, **tin tưởng**, và **ganh tị**. Theo ông, (1) phải làm cho nô lệ sợ hãi nhưng đồng thời cũng (2) làm cho nô lệ tin tưởng và phụ thuộc vào chủ nô, và ngoài ra, (3) phải làm cho nội bộ của giới nô lệ liên tục thù hận nhau, ganh tị nhau và chia rẽ nhau.

Mặc dù nguồn gốc của lá thư còn được tranh luận, nội dung của nó được trích dẫn rất nhiều trong các sách vở, phim ảnh và cả diễn văn của các chính khách.

Lá thư được in trong tuyển tập “Làm Nên Một Nô Lệ” (The Making of a Slave) hay trong phim The Great Debaters do tài tử nổi tiếng Denzel Washington đóng. Nội dung lá thư của Willie Lynch còn lưu trữ tại các thư viện và in thành sách phát hành trên Amazon.

Lá thư cho đến nay vẫn còn phổ biến và được trích dẫn khá nhiều vì ba điều Willie Lynch chỉ dẫn các chủ nô da trắng ba thế kỷ trước vẫn còn đang được các chế độ độc tài áp dụng.

Các nhà nghiên cứu gọi là chế độ nô lệ thời hiện đại (modern slavery) để thay cho chế độ nô lệ thời Willie Lynch.

Chế độ nô lệ tồn tại rõ nét về cả nội dung lẫn hình thức tại Bắc Hàn qua cưỡng bách lao động, nô lệ dựa theo lý lịch (Descent-based slavery), nô lệ trẻ em (Child slavery) v.v.

Bắc Hàn không thừa nhận mình là CS, nhưng thực chất chế độ Bắc Hàn chỉ là CS biến thể với sự pha trộn thêm cái gọi là “tu tưởng Kim Nhật Thành”. Các đặc tính độc tài toàn trị, tẩy não, khủng bố vẫn là CS.

Ủy ban Nhân Quyền Bắc Hàn trưng bày các bằng chứng phim ảnh chụp bằng vệ tinh để chứng minh sự tồn tại của các nhà tù chính trị tại Bắc Hàn. Không chỉ cá nhân người bị bắt mà cả gia đình gồm vợ hay chồng và con cái của người đó cũng bị bắt và giam giữ suốt đời trong các nhà tù với điều kiện vô cùng tệ hại. (The Hidden Gulag Second Edition The Lives and

Voices of “Those Who are Sent to the Mountains”, David Hawk, Committee for Human Rights in North Korea)

Tại Bắc Hàn, tội “thù địch chống lại đảng và nhà nước” không phải vì lập đảng, lập tổ chức mà bất cứ một hành động hay cử chỉ nào dù nói chuyện riêng tư với bạn bè, tin đồn, có thái độ nghi ngờ, vẽ một bức tranh không thích hợp với chủ trương nghệ thuật của đảng đều bị kết tội tù chính trị.

Nhiều năm quá đói người dân Bắc Hàn phải ra đồng đào rễ, cắt cỏ và hái lá để ăn trong khi gia đình họ Kim sống như một đế vương. Mô hôi nước mắt của nhân dân Bắc Hàn được dùng để chế bom nguyên tử, mua súng đạn và xây tượng đài. Theo một số ước lượng, hiện có 34 ngàn tượng đài của ba đời họ Kim tại Bắc Hàn. Trung bình, một tượng đài dành cho 750 người dân Bắc Hàn. Ủy Ban Tội Ác Chiến Tranh thuộc Luật Sư Đoàn Quốc Tế (IBA) kết tội gia đình họ Kim vào 10 tội ác chống lại nhân loại gồm ám sát, tra tấn, bắt làm nô lệ tình dục, bỏ tù và các tội ác trầm trọng khác.

Luật sư Thomas Buergenthal, một luật sư nổi tiếng và cũng là người sống sót trại tù Auschwitz đang làm việc tại IBA cho biết “các trại tù ở Bắc Hàn còn khủng khiếp hơn, tệ hại hơn” các trại tù Đức Quốc Xã.

Chế độ nô lệ hiện đại (modern slavery) cũng tồn tại tại Trung Quốc, nơi chế độ toàn trị công nghệ (techno-totalitarianism) đang kiểm soát tuyệt đối các mặt của đời sống xã hội. Chế độ toàn trị công nghệ độc ác hơn chế độ toàn trị cổ điển vì được cộng thêm các kỹ thuật mới ra đời sau cách mạng tin học.

Không chỉ đối với dân Trung Quốc, với các công ty quốc tế Trung Cộng cũng trả thù một cách thô bạo mọi thái độ và tuyên bố vi phạm các nguyên tắc toàn trị của chế độ. Tháng 10, 2021, hãng H&M's gởi ra một bản tuyên bố bày tỏ sự “quan tâm đối với những lời tố cáo về tình trạng lao động cưỡng bách tại Khu Tự Trị Tân Cương” và không dùng bông sản xuất từ khu vực của người Duy Ngô Nhĩ. Kết quả, hãng H&M's bị thiệt hại trầm trọng trên thị trường Trung Quốc. Nhiều tiệm trong đó có tổng hành dinh Trung Quốc của hãng tại Thượng Hải phải đóng cửa.

Tại các nước CS còn lại, mức độ làm cho người dân sợ hãi qua việc khống chế và tiếm đoạt đời sống tinh thần vẫn không kém gì so với thời của chủ nô Willie Lynch. Mất các quyền tự do căn bản hay bị đóng khung trong các khuôn khổ nhất định nào đó, con người thực chất cũng chỉ là nô lệ.

Quyền tự do chính trị (political freedom) là quyền công dân một quốc gia được tự do tham gia vào tiến trình chính trị của quốc gia đó dù với tư cách cá nhân, thiểu số hay đa số. Trong ba chỉ dẫn của Willie Lynch, chỉ dẫn làm cho những nô lệ tin tưởng và phụ thuộc vào chủ nô là quan trọng nhất.

Làm thế nào để giữ lòng tin trong dân chúng để họ thừa nhận tính chính danh của đảng? Câu trả lời là “Thuần hóa lịch sử”.

“Thuần hóa lịch sử” (Historical domestication) là một khái niệm bắt đầu trong thực vật học. Đó là quá trình thay đổi giống của một loại trái cây. Ba ngàn năm trước có thể chỉ có mỗi một loại cà chua, ngày nay vô số, cà chua bi, cà chua

cherry, cà chua tím v.v... Cứ mỗi vài năm lại có một loại cà chua mới. Các nhà thực vật học Ba Tây chỉ cần ba năm để tạo nên một giống cà chua nhiều chất dinh dưỡng hơn bằng phương pháp gọi là CRISPR (Clustered Regularly Interspaced Short Palindromic Repeats). Theo phương pháp này các nhà thực vật học sửa đổi DNA, trong trường hợp này là cà chua, để tạo nên giống cà chua khác.

Trong chính trị học và xã hội học, “thuần hóa lịch sử” là một quá trình biến con người thành nô lệ về mặt nhận thức.

Tại Việt Nam, đảng CS “thuần hóa lịch sử” bằng cách cấy vào nhận thức của người dân những quan điểm chủ quan áp đặt của đảng về lịch sử dân tộc. Những khẩu hiệu tuyên truyền như “chống Mỹ cứu nước”, “từ thực dân pháp đến quốc Mỹ”, “giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước” được lặp đi lặp lại thành những thành ngữ mang tính mặc định không thay đổi hay đặt vấn đề, không chỉ được dùng trong tuyên ngôn, tuyên cáo, nghị quyết, cương lĩnh mà cả trong câu nói đâu môi, trong truyền khẩu dân gian.

Quan điểm chủ quan đó như một loại vi khuẩn độc hại ăn sâu và tàn phá não bộ của mỗi người. Theo thời gian, quan điểm về lịch sử không còn của đảng nữa mà trở thành thành trì nhận thức (comfort zone) của chính người bị tẩy não. Một khi thành trì nhận thức bị chạm đến, không cần đảng phải lên tiếng mà người bị tẩy não sẽ lên tiếng binh vực cho đảng.

Từ thời Lenin, Mao cho tới nay các giới lãnh đạo CS nghĩ rằng họ không cần phải đổi mới bộ máy cầm quyền mà chỉ cần thay đổi cách nhìn của người dân về bộ máy cầm quyền là đủ.

Tại các nước dân trí thấp, phương pháp đó thường có hiệu quả cao.

Các chiến dịch “Đả hổ diệt ruồi” (Killing tigers, swatting flies) của Tập Cận Bình hay “đốt lò” của Nguyễn Phú Trọng chỉ nhằm trang điểm khuôn mặt đảng sáng sủa hơn nhằm thay đổi cách nhìn và qua đó chinh phục lòng tin của dân chúng. Khi ông Nguyễn Phú Trọng qua đời, không tính thành phần bị tẩy não hay báo chí của đảng, nhiều nhà văn, nhà thơ, những người tự nhận có khuynh hướng đổi mới, đề cao phản biện xã hội đã thương tiếc ông Trọng thật lòng. Lý do? Trong đáy lòng họ, tức trong thành trì nhận thức (comfort zone), vẫn còn chất chứa một niềm tin vào đảng CS.

Do đó khi nhìn những đổi thay trên thế giới như Syria, Ai Cập hay đang mỗi ngày xuống đường tranh đấu như Venezuela, Iran trong lòng những người Việt quan tâm cảm thấy hồi hộp, nôn nao và chờ đợi. Không đâu. Việt Nam trước mắt vẫn như một hồ Tây yên tĩnh, thỉnh thoảng gợn lên cơn sóng nhỏ khi một làn gió nhẹ thổi qua thoát trông rất nên thơ nhưng không tạo nên một thay đổi căn bản nào cho cuộc đời những người đang ngồi trên ghế đá bên bờ.

Việt Nam không phải là Syria, không phải là Tunisia, không phải là Ai Cập, không phải là Libya. Con gió lớn của mùa xuân Ả Rập thổi bay hàng loạt các cơ chế chính trị độc tài ở vùng này từ năm 2011 nhưng chưa thổi đến Việt Nam.

Tư tưởng nô lệ hiện đại qua chính sách tẩy não vẫn còn chế ngự trong nhận thức của nhiều người Việt. Thay đổi đất nước phải bắt đầu từ thay đổi nhận thức của người dân và đó là

một nỗ lực lâu dài. Nhưng nhanh hay chậm, xa hay gần thay đổi vẫn sẽ phải xảy ra bởi vì khát vọng tự do của con người dù ở đâu cũng giống nhau.

Lịch sử nhân loại cho thấy, khi những người bị áp bức đứng lên, số phận của họ và xã hội họ sống sẽ thay đổi. May mắn tại Việt Nam, một số người, dù còn ít, đã can đảm đứng lên chấp nhận tù đày. Chuyến tàu lại tiếp tục lao về phía trước cho một bình minh sẽ đến nay mai.

LIỆU VIỆC THOÁT KHỎI BẦY THU NHẬP TRUNG BÌNH CÓ TRỞ NÊN DỄ DÀNG HƠN KHÔNG?



KEUN LEE

Ngân hàng Thế giới gần đây thông báo rằng 34 nền kinh tế đã đạt được mức thu nhập cao trong những thập kỷ gần đây, điều này gợi ý rằng bầy thu nhập trung bình có thể không đáng ngại như nhiều người vẫn nghĩ. Tuy nhiên, kết quả này không phản ánh sự tiến bộ thực sự mà chủ yếu là do Ngân hàng Thế giới đã hạ thấp ngưỡng thu nhập cao.

SEOUL – Thuật ngữ “bầy thu nhập trung bình” ám chỉ xu hướng các nền kinh tế đang phát triển tăng trưởng nhanh nhưng mất đà phát triển trước khi đạt được mức thu nhập cao. Thuật ngữ này được giới thiệu lần đầu bởi nhà kinh tế học của Ngân hàng Thế giới Indermit Gill và Homi Kharas của Viện Brookings vào năm 2007, và kể từ đó, khái niệm này đã trở thành chủ đề tranh luận sôi nổi giữa các nhà kinh tế học.

Mặc dù một số học giả đã đặt câu hỏi về sự tồn tại của bẫy thu nhập trung bình, nhưng không thể phủ nhận rằng nhiều quốc gia có thu nhập trung bình đã gặp khó khăn trong việc gia nhập nhóm các nền kinh tế phát triển. Một nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới vào năm 2013 cho thấy chỉ có 13 trong số 101 nền kinh tế có thu nhập trung bình đã thành công trong việc vươn lên giữa năm 1960 và 2008. Trong số này có Nhật Bản, bốn “con hổ châu Á” – Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc và Đài Loan – cùng với các nền kinh tế châu Âu ngoại vi như Tây Ban Nha, Hy Lạp và Bồ Đào Nha.

Vào tháng 8, Báo cáo Phát triển Thế giới thường niên của Ngân hàng Thế giới đã làm dấy lên cuộc tranh luận một lần nữa. Đáng ngạc nhiên, báo cáo này đã chỉ ra 34 nền kinh tế thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình và đạt được mức thu nhập cao trong giai đoạn từ 1990 đến 2022. Nhóm quốc gia này mở rộng bao gồm các quốc gia Mỹ Latinh như Chile và Uruguay, các quốc gia Trung và Đông Âu như Ba Lan và Romania, ba quốc gia Baltic, cùng các quốc gia Vùng Vịnh như Ả Rập Xê-út và Oman.

Danh sách cập nhật đặt ra một câu hỏi cơ bản: Liệu việc thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình có trở nên dễ dàng hơn, hay nó luôn dễ dàng hơn những gì người ta nghĩ trước đây – có thể là bẫy này chưa bao giờ tồn tại? Câu trả lời không hề đơn giản, vì các tiêu chí xác định trạng thái phát triển của các nền kinh tế đã thay đổi trong vài thập kỷ qua, với ngưỡng thu nhập cao dần được hạ thấp.

Ví dụ, trong năm nay, Ngân hàng Thế giới đã định nghĩa một quốc gia có thu nhập cao là quốc gia có thu nhập quốc dân bình quân đầu người vượt quá 13.845 USD – khoảng 20% GNI (thu nhập quốc gia gộp) của Hoa Kỳ. Đây là mức giảm so với ngưỡng năm 2012, khi ngưỡng này được đặt ở mức 24% của GNI Hoa Kỳ, hoặc so với ngưỡng năm 1990 là 7.620 USD, tương đương với 30% GNI của Hoa Kỳ vào thời điểm đó. Những tiêu chí thay đổi này giúp giải thích lý do tại sao các báo cáo trước đây lại xếp ít quốc gia vào nhóm thu nhập cao hơn.

Việc xếp hạng một quốc gia có GNI bằng một phần năm GNI của Hoa Kỳ là quốc gia có thu nhập cao làm nổi bật những thiếu sót trong phương pháp của Ngân hàng Thế giới, vì phương pháp này không tính đến giá cả và sức mua – những chỉ số phản ánh chính xác hơn mức sống thực tế.

Malaysia là một ví dụ điển hình. Vào năm 2023, GDP bình quân đầu người của Malaysia (tính theo USD hiện hành) là 12.570 USD, chưa đạt ngưỡng thu nhập cao. Tuy nhiên, khi điều chỉnh theo sức mua tương đương (PPP), GDP bình quân đầu người của Malaysia đạt 45,5% mức của Hoa Kỳ, phản ánh mức sống cao hơn đáng kể. Ngược lại, Chile được xếp hạng là nền kinh tế thu nhập cao, với GDP bình quân đầu người là 16.816 USD vào năm 2023. Tuy nhiên, thu nhập của Chile sau khi điều chỉnh theo PPP chỉ bằng 36% mức của Hoa Kỳ.

Nói cách khác, các chỉ số dựa trên sức mua tương đương (PPP) cung cấp một thước đo đáng tin cậy hơn về mức sống

thực tế. Dưới hệ thống hiện tại, Malaysia vẫn được xếp vào nhóm quốc gia thu nhập trung bình mặc dù có mức sống cao hơn Chile. Tương tự, Thổ Nhĩ Kỳ, với GDP bình quân đầu người chỉ dưới 16.000 USD (theo USD hiện hành), vẫn bị xếp vào nhóm thu nhập trung bình, mặc dù GDP bình quân đầu người của Thổ Nhĩ Kỳ khi điều chỉnh theo PPP đạt 51% mức của Hoa Kỳ.

Hơn nữa, các chỉ số PPP vẽ ra một bức tranh kém lạc quan hơn về hiệu suất kinh tế so với những gì báo cáo của Ngân hàng Thế giới gợi ý. Ví dụ, các tính toán của tôi – dựa trên dữ liệu từ Triển vọng Kinh tế Thế giới 2024 của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) – cho thấy mặc dù Mexico là một thành viên của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), khoảng cách thu nhập giữa Mexico và Hoa Kỳ đã gia tăng kể từ khi Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA) có hiệu lực vào giữa những năm 1990. GDP bình quân đầu người của Mexico sau khi điều chỉnh theo PPP đã giảm từ 35% mức của Hoa Kỳ vào đầu những năm 2010 xuống còn 30% vào năm 2023.

Brazil và Nam Phi đã đi theo một quỹ đạo tương tự. GDP bình quân đầu người của Brazil khi điều chỉnh theo PPP ở mức 24% so với Hoa Kỳ vào năm 2000, tăng lên gần 30% vào năm 2013, nhưng sau đó giảm xuống dưới 25% vào năm 2023. Tương tự, GDP bình quân đầu người của Nam Phi khi điều chỉnh theo PPP tăng từ 22% so với Hoa Kỳ vào năm 2000 lên 25% vào khoảng năm 2010, nhưng sau đó giảm xuống dưới 20% vào năm 2023.

Tuy nhiên, mặc dù đã có hàng thập kỷ tiên bộ, nhiều quốc gia thu nhập trung bình vẫn gặp khó khăn trong việc bắt kịp các nền kinh tế phát triển, một thực tế thường bị che khuất bởi việc hạ thấp ngưỡng thu nhập cao. Ngân hàng Thế giới nên xem xét lại phương pháp của mình, đặc biệt là chuyển từ GDP danh nghĩa sang các chỉ số thu nhập dựa trên PPP, những chỉ số này phản ánh chính xác hơn mức sống hiện tại. Một điều chỉnh như vậy sẽ cung cấp một thước đo công bằng và đáng tin cậy hơn về sự phát triển kinh tế.

*Keun Lee, cựu Phó Chủ tịch Hội đồng Tư vấn Kinh tế Quốc gia của Tổng thống Hàn Quốc, hiện là Giáo sư Xuất sắc về Kinh tế tại Đại học Quốc gia Seoul, thành viên của CIFAR, biên tập viên của tạp chí **Research Policy**, và là tác giả gần đây nhất của cuốn sách **Innovation-Development Detours for Latecomers: Managing Global-Local Interfaces in the De-Globalization Era** (Nhà xuất bản Cambridge, 2024).*

Nguồn: Keun Lee, “Has Escaping the Middle-Income Trap Become Easier?,” *Project Syndicate*, 27/12/2024.

Biên dịch: Phong trào Duy Tân

NHỮNG TAY SAI CỦA TRUNG QUỐC



ORIANA SKYLAR MASTRO

Logic quân sự trong các mối quan hệ ngày càng mở rộng của Bắc Kinh.

Vào tháng 6 năm 2024, tại một cuộc họp báo chung, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Antony Blinken và Tổng Thư ký NATO Jens Stoltenberg bày tỏ lo ngại về mối quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa Trung Quốc, Iran, Triều Tiên và Nga. Họ không phải là những chính trị gia duy nhất nhấn mạnh vấn đề này. Liên minh không chính thức giữa bốn quốc gia độc tài này đã trở thành trọng tâm tại Washington và được các quan chức của cả Đảng Dân chủ lẫn Đảng Cộng hòa mô tả là một phe “trục ác mới.” Các nhà phân tích chỉ ra rằng các quốc gia này phối hợp trong các hoạt động quân sự và ngoại giao, chia sẻ ngôn từ tương tự và lợi ích chung. Và có một mục tiêu chung mà tất cả đều hướng tới: làm suy yếu Hoa Kỳ.

Mỗi quốc gia trong nhóm này đều có sức mạnh đáng kể. Tuy nhiên, Trung Quốc là thành viên chủ chốt. Trung Quốc có dân số và nền kinh tế lớn nhất, đồng thời cũng là quốc gia viện trợ lớn nhất. Bắc Kinh là đối tác thương mại chính và là

người bảo trợ lớn nhất của Triều Tiên. Trung Quốc đã hỗ trợ Iran đối phó với các lệnh trừng phạt quốc tế, ký kết thỏa thuận “đôi tác chiến lược toàn diện” với Tehran vào năm 2021. Đồng thời, Trung Quốc đã cung cấp hơn 9 tỷ USD hàng hóa hai mục đích (vừa phục vụ mục đích thương mại vừa có ứng dụng quân sự) cho Nga kể từ khi nước này xâm lược Ukraine. Sự hỗ trợ này đã giúp nền kinh tế Nga không sụp đổ, bất chấp các biện pháp trừng phạt của phương Tây nhằm làm suy yếu nỗ lực chiến tranh của Nga. (Hiện nay, hàng hóa Trung Quốc chiếm tới 38% tổng nhập khẩu vào Nga.)

Tuy nhiên, Trung Quốc không muốn bị coi là người đứng đầu của nhóm này. Thực tế, Bắc Kinh không muốn bị xem là thành viên của trục này. Vào tháng 4 năm 2023, Thủ tướng Trung Quốc Lý Cường tuyên bố rằng “quan hệ Trung-Nga tuân thủ các nguyên tắc không liên kết, không đôi đầu và không nhắm mục tiêu vào các bên thứ ba.” Vào năm 2016, Phó Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Phó Oánh cũng nói rằng Bắc Kinh “không có hứng thú” với việc thành lập một “khôi chống Mỹ hay chống phương Tây.” Chính phủ Trung Quốc do đó đã tránh ký kết các hiệp ước quốc phòng với Iran và Nga. Thỉnh thoảng, Trung Quốc còn phản đối các lập trường của Iran, Triều Tiên và Nga trong các cuộc xung đột quốc tế.

Lý do cho sự mơ hồ này là rõ ràng. Trung Quốc muốn thay thế Hoa Kỳ trở thành cường quốc lãnh đạo thế giới. Mặc dù hợp tác với Iran, Triều Tiên và Nga giúp Bắc Kinh đạt được mục tiêu này, nhưng ba quốc gia này cũng có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến tham vọng của Trung Quốc. Các quốc gia

này làm suy yếu Washington bằng cách thu hút nguồn lực của Mỹ và làm phân tán sự chú ý của Mỹ khỏi Trung Quốc. Tuy nhiên, những quốc gia này cũng tạo ra sự thù địch với các nước láng giềng quyền lực như Đức, Nhật Bản và Ả Rập Xê Út, những quốc gia mà Trung Quốc không muốn xa lánh. Vì vậy, các quan chức Trung Quốc phải duy trì một mối quan hệ với trục này đủ gần để có thể khai thác lợi ích, nhưng không quá gần để phải chịu trách nhiệm cho các hành vi sai trái của nhóm.

Điều đáng tiếc là, Hoa Kỳ đang để Trung Quốc tận dụng lợi thế từ tình huống này. Washington quá chú tâm vào việc liệu các quốc gia này có thiết lập một liên minh quốc phòng truyền thống hay không, mà không nhận ra cách tiếp cận theo hướng kinh doanh của Trung Quốc trong việc xây dựng các quan hệ đối tác—và thực tế là Trung Quốc đang thành công rất tốt với chiến lược này. Dưới sự sắp xếp hiện tại, Iran, Triều Tiên và Nga đều gây rối cho phương Tây. Tuy nhiên, vì những quốc gia này không phải là đồng minh chính thức của Trung Quốc, các đối tác của Mỹ chưa áp dụng các biện pháp trừng phạt với Trung Quốc vì hành động của các quốc gia này. Thực tế thì sự tồn tại của trục này đang chia rẽ các liên minh của Mỹ. Nhiều quốc gia bạn của Hoa Kỳ, bận tâm với các vấn đề khu vực của riêng mình, đã từ chối gia nhập cùng Mỹ trong cuộc cạnh tranh với Bắc Kinh.

Cách tiếp cận của Trung Quốc có thể rất hiệu quả trong trường hợp chiến tranh. Nếu Trung Quốc và Hoa Kỳ phải đối đầu, trục này hiện tại đủ mạnh và phối hợp tốt trong các vấn đề quân sự để có thể chiến đấu cùng nhau và đánh bại Mỹ.

Tuy nhiên, vì các quốc gia trong trục này không phải là một khối phối hợp chặt chẽ, họ cũng có thể dễ dàng khởi động các cuộc xung đột riêng lẻ, làm chia rẽ nguồn lực của Mỹ, phân tán sự chú ý của các đồng minh Mỹ và do đó giúp Trung Quốc chiến thắng.

Vì vậy, Washington cần thay đổi chiến lược. Thay vì cố gắng đoán xem mức độ gắn kết giữa các quốc gia này như thế nào hay tìm cách làm chia rẽ họ, chính phủ Mỹ cần phải bắt đầu coi họ như một khối độc tài. Mỹ cũng phải khuyến khích các đồng minh toàn cầu làm điều tương tự và phải coi Trung Quốc là người dẫn đầu của trục này — dù thế nào thì đó cũng là một hiện trạng thực tế.

NỬA TRONG, NỬA NGOÀI

Vào năm 1950, khi Chiến tranh Lạnh bùng nổ, Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Liên Xô đã ký kết Hiệp ước Hữu nghị, Liên minh và Hỗ trợ lẫn nhau kéo dài 30 năm. Thỏa thuận này được ký kết sau chiến thắng của các lực lượng Cộng sản trong cuộc Nội chiến Trung Quốc, và hai bên coi đây là sự hợp tác tự nhiên giữa hai quốc gia xã hội chủ nghĩa. Hiệp ước yêu cầu Bắc Kinh và Moscow, bảo vệ và tham khảo ý kiến lẫn nhau về các vấn đề quốc tế quan trọng có liên quan đến lợi ích chung của cả hai quốc gia.

Tuy nhiên, thực tế quan hệ Trung Quốc – Liên Xô rất phức tạp. Mặc dù đôi bên hợp tác trong nhiều vấn đề, như hỗ trợ lãnh tụ Kim Nhật Thành trong cuộc chiến chống lại Hàn Quốc, nhưng họ cũng xung đột về quyền lãnh đạo khối cộng sản. Chẳng hạn, Trung Quốc và Liên Xô đã cạnh tranh nhau

trong việc cung cấp vũ khí cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và Trung Quốc phản đối những nỗ lực của Liên Xô trong việc hòa hoãn với Mỹ.

Ngày nay, mối quan hệ của Trung Quốc với các quốc gia đối địch của Mỹ lại tương tự tình trạng “nửa trong, nửa ngoài”. Một mặt, Trung Quốc và các quốc gia này hợp tác khá chặt chẽ. Vào năm 2021, Trung Quốc đã gia hạn Hiệp ước Phòng thủ Lẫn nhau với Triều Tiên, và đến năm 2023, Trung Quốc mua đến 90% lượng dầu của Iran. Trung Quốc, Iran và Nga cũng thường xuyên tổ chức các cuộc tập trận hải quân chung ở Vịnh Oman. Vào năm 2018, Trung Quốc đã tham gia cùng Nga trong một cuộc tập trận quân sự chung, trong đó hai nước đã thực hành đối phó với chiến tranh trên Bán đảo Triều Tiên.

Tuy nhiên, Trung Quốc không ủng hộ cuộc xâm lược Ukraine của Nga, cũng như không cung cấp viện trợ quân sự trực tiếp. Khi Tổng thống Nga Putin và lãnh đạo Triều Tiên Kim Jong Un gặp nhau vào tháng 6 và ký kết hiệp ước hỗ trợ quân sự nếu một bên bị tấn công, Bộ Ngoại giao Trung Quốc cho rằng đó là vấn đề song phương giữa Moscow và Bình Nhưỡng. Khi Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất có tranh chấp hàng hải với Iran, Bắc Kinh đã đưa ra tuyên bố chung với UAE, ủng hộ giải pháp hòa bình. Và vào tháng 1 năm 2024, các quan chức Trung Quốc yêu cầu Iran giảm các cuộc tấn công của lực lượng Houthi vào các tuyến đường biển ở Biển Đỏ, vì nếu tình trạng này tiếp diễn, sẽ ảnh hưởng đến mối quan hệ kinh tế giữa hai nước.

Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Trung Quốc đã phải trả giá cho việc gửi đi những tín hiệu không rõ ràng đối với Liên Xô. Điều này đã dẫn đến sự rạn nứt giữa hai quốc gia, được gọi là “chia rẽ Trung – Xô”. Tuy nhiên, lần này, các đối tác độc tài của Trung Quốc có vẻ không quan tâm đến hành vi của Nga. Mặc dù Bắc Kinh giữ khoảng cách, Trung Quốc vẫn nhận khí đốt từ Nga với giá rẻ, giảm tới 44% so với mức giá mà châu Âu phải trả. Iran cũng không lên án Trung Quốc về hành vi bạo lực đối với người Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương, và Tehran đã ủng hộ Trung Quốc trong các vấn đề như Hong Kong và Đài Loan.

Bắc Kinh vẫn duy trì quan hệ tốt với phần lớn các đồng minh của Mỹ. Hàn Quốc và Nhật Bản, dù không hoàn toàn ủng hộ chính sách kiềm chế Trung Quốc của Mỹ, nhưng Trung Quốc vẫn là đối tác thương mại lớn nhất của cả hai quốc gia này, mặc dù Trung Quốc hỗ trợ Triều Tiên. Trung Quốc đã tạo đủ khoảng cách với Nga để Liên minh Châu Âu có thể tự do giao dịch hơn 800 tỷ USD hàng hóa với Trung Quốc vào năm 2023, chiếm 15% tổng thương mại của EU. Trong chuyến thăm Trung Quốc vào năm 2023, Tổng thống Pháp Emmanuel Macron khẳng định Pháp sẽ không mù quáng theo Mỹ trong các cuộc khủng hoảng không liên quan đến Pháp, đặc biệt là về vấn đề Đài Loan. Thủ tướng Đức Olaf Scholz cũng nhiều lần tuyên bố Đức không thuộc về bất kỳ khối địa chính trị nào và sẽ không tham gia vào một khối nào. Tương tự, quan hệ đối tác của Trung Quốc với Iran không ảnh hưởng đến mối quan hệ của Trung Quốc với các quốc gia Vùng Vịnh hay Israel.

TRẬT TỰ CỦA HỖN LOẠN

Ban đầu, có thể nghĩ rằng cách tiếp cận của Trung Quốc đối với Iran, Triều Tiên và Nga có thể chấp nhận được đối với Mỹ. Hiện tại, Trung Quốc không cung cấp viện trợ quân sự trực tiếp cho Nga để tấn công Ukraine. Bắc Kinh cũng tiếp tục hỗ trợ các nỗ lực ngoại giao để ngừng chương trình hạt nhân của Iran. Mỗi quan hệ giữa Trung Quốc và EU cũng có thể kèm chế hành vi của Iran.

Tình trạng hiện tại còn tốt hơn là một tình huống trong đó Bắc Kinh hỗ trợ mạnh mẽ các quốc gia này. Tuy nhiên, các quan chức Mỹ không nên lấy đó làm niềm an ủi. Cả khoảng cách giữa Trung Quốc và các đối tác của họ lẫn những nỗ lực tiếp cận phương Tây của Bắc Kinh đều không thực sự tạo ra một rào cản đáng kể. Trung Quốc có thể thỉnh thoảng chỉ trích Iran hay âm thầm chỉ trích Nga, nhưng khi tình thế trở nên căng thẳng, họ vẫn cung cấp một lượng hỗ trợ khổng lồ cho các quốc gia này. Ví dụ, vào năm 2022, Bắc Kinh đã thúc đẩy một chiến dịch thông tin sai lệch, tuyên bố rằng các phòng thí nghiệm sinh học ở Ukraine do Mỹ tài trợ đang sản xuất vũ khí sinh học—cung cấp cái cớ cho cuộc xâm lược Ukraine. Các quốc gia này hợp tác với nhau để thách thức ngôn ngữ nhân quyền truyền thống mà các tổ chức quốc tế sử dụng, cho rằng các khái niệm như quyền tự do cá nhân và pháp quyền chỉ là những khái niệm của phương Tây. Iran, Triều Tiên và Nga đều sử dụng công nghệ của Trung Quốc để đàn áp người dân của mình.

Sự hỗ trợ của Trung Quốc đối với các quốc gia này thể hiện rõ nhất trong lĩnh vực an ninh và quốc phòng. Bắc Kinh đã cung cấp cho họ công nghệ quân sự tiên tiến và hỗ trợ tình báo. Trung Quốc chia sẻ thông tin từ hệ thống vệ tinh của mình với Nga, hỗ trợ nỗ lực chiến tranh của Moscow. Ngược lại, Nga cung cấp cho Trung Quốc vũ khí trị giá hàng tỷ đô la mỗi năm, giúp nâng cao khả năng quân sự của Bắc Kinh, đặc biệt là khả năng tấn công các mục tiêu của Mỹ. Ngoài ra, Moscow còn cung cấp cho Trung Quốc các hệ thống công nghệ có liên quan đến việc sản xuất vũ khí.

Một phần nhờ vào sự hợp tác này, lần đầu tiên sau nhiều thập kỷ, Mỹ có thể gặp bất lợi về quân sự. Chỉ riêng Trung Quốc đã có số binh lính đang phục vụ nhiều hơn cả Mỹ. Bắc Kinh và Moscow cùng nhau sở hữu nhiều tàu chiến và xe tăng hơn Washington. Với mức độ hợp tác dễ dàng giữa hai chính phủ này, có khả năng rất lớn là họ có thể áp đảo lực lượng quân sự của Mỹ nếu chiến đấu cùng nhau trong một chiến trường duy nhất—chẳng hạn như nếu Trung Quốc và Nga hỗ trợ Triều Tiên trong một cuộc chiến chống lại người láng giềng phía nam, hoặc nếu Nga hỗ trợ Trung Quốc trong một cuộc tấn công vào Đài Loan.

Bộ tứ độc tài cũng có thể gây ra hỗn loạn bằng cách chiến đấu riêng rẽ nhưng đồng thời. Mỹ sẽ gặp khó khăn trong việc giành chiến thắng trong một cuộc chiến hai mặt trận. Thay vào đó, lực lượng vũ trang Mỹ được tổ chức để tham gia một cuộc chiến lớn trong khi kiềm chế các xung đột khu vực nhỏ hơn. Điều này có nghĩa là nếu chiến tranh bùng phát ở châu Âu, Trung Đông, trên bán đảo Triều Tiên và xung quanh Đài

Loan, Mỹ sẽ phải để hầu hết các chiến trường đó tự xoay sở, ít nhất là ban đầu.

Nhiều đồng minh của Mỹ có quân đội mạnh mẽ đủ khả năng chiến đấu với các thành viên trong trục. Tuy nhiên, vì họ phải đối mặt với những vấn đề khu vực của riêng mình, họ ngần ngại giúp đỡ các quốc gia khác trong các xung đột của họ. Trong trường hợp xảy ra chiến tranh đa mặt trận, họ sẽ muốn giữ lực lượng của mình ở nhà để tự vệ. Điều này có nghĩa là Washington không thể hoàn toàn trông cậy vào các đồng minh để hỗ trợ quân đội Mỹ, ngay cả khi cần thiết nhất. Ví dụ, nếu Mỹ tập trung vào việc bảo vệ Đài Loan trong khi Triều Tiên cố gắng chiếm lấy Hàn Quốc, thì Seoul và Tokyo có thể sẽ hoàn toàn hoặc phần lớn không sẵn lòng hỗ trợ Mỹ. Trên thực tế, mối lo ngại về Triều Tiên đã khiến Hàn Quốc không muốn để quân đội Mỹ đóng tại nước này thực hiện bất kỳ hành động nào ngoài bán đảo Triều Tiên. Châu Âu, vì muốn bảo vệ các mối quan hệ thương mại của mình, gần như chắc chắn sẽ đứng ngoài cuộc xung đột như vậy.

Chắc chắn, Trung Quốc sẽ gặp khó khăn trong việc hỗ trợ các đối tác của mình trong những cuộc chiến của họ nếu phải đối đầu với Mỹ. Trong cuộc Nội chiến Trung Quốc, Đảng Cộng sản đã mất Đài Loan một phần vì họ quyết định viện trợ cho Triều Tiên, điều này đã tạo cơ hội cho Tổng thống Mỹ Harry Truman điều động Hạm đội 7 đến eo biển Đài Loan và ngăn chặn cuộc xâm lược. Lãnh đạo Trung Quốc Tập Cận Bình sẽ không muốn lặp lại sai lầm đó.

Tuy nhiên, bất kỳ thành viên nào trong trục này cũng có thể tạo ra các cuộc khủng hoảng khiến Mỹ và các đồng minh phải phân bổ lại nguồn lực mà không cần phải khởi động những cuộc xung đột đầy rủi ro và quy mô lớn. Họ cũng có thể tạo lợi thế cho Trung Quốc mà không cần tham gia trực tiếp vào chiến tranh của Trung Quốc. Ví dụ, Nga có thể giúp Trung Quốc vượt qua lệnh phong tỏa năng lượng bằng cách vận chuyển dầu và khí đốt qua đất liền. Hệ thống ống dẫn dầu Đông Siberia–Thái Bình Dương, chuyên cung cấp dầu của Nga cho các thị trường châu Á, có thể xuất khẩu khoảng 35 triệu tấn mỗi năm sang Trung Quốc. Hệ thống ống Power of Siberia, chuyên vận chuyển khí tự nhiên sang Trung Quốc, dự kiến sẽ cung cấp 38 tỷ mét khối mỗi năm vào năm 2025—gần bằng lượng khí tự nhiên mà Australia tiêu thụ mỗi năm. Moscow cũng có thể đóng góp vốn và lao động để giúp Trung Quốc trong sản xuất. Hai quốc gia này hiện đã có các hệ thống sản xuất chung, bao gồm cả các hệ thống liên quan đến việc sản xuất vũ khí.

Nếu Moscow quyết định tham gia một chút vào cuộc chiến giữa Mỹ và Trung Quốc, điều đó sẽ tạo ra những rắc rối lớn hơn nữa. Chẳng hạn, các máy bay chiến đấu của Nga có thể tiến hành các cuộc tuần tra trên không phối hợp phòng thủ với lực lượng Trung Quốc, như họ đã từng làm trong quá khứ. Mỹ có thể sẽ tránh tấn công các mục tiêu của Trung Quốc, chỉ để ngăn không cho Nga trở thành một bên tham chiến trực tiếp.

Dù mức độ tham gia của Nga là bao nhiêu, quan hệ đôi tác giữa Nga và Trung Quốc tạo ra một yếu tố mới đáng sợ trong

các tính toán của Mỹ. Trong quá khứ, Mỹ chưa bao giờ phải đối phó với hơn một đối thủ hạt nhân ngang tầm. Giờ đây, với Bắc Kinh và Moscow, Mỹ phải đối mặt với hai cường quốc hạt nhân. Thật không may cho Washington (và cả thế giới), những nỗ lực ngăn ngừa xung đột với một trong những chính phủ này có thể làm suy yếu khả năng răn đe đối với chính phủ kia. Ví dụ, Mỹ đã ký Hiệp ước Các Lực lượng Hạt nhân Tầm trung (INF) với Liên Xô vào năm 1987 nhằm loại bỏ các tên lửa tầm trung phóng từ mặt đất của hai bên. Hiệp ước này đã thành công rộng rãi và làm giảm căng thẳng giữa hai quốc gia. Tuy nhiên, thỏa thuận này cũng đã để Trung Quốc không bị ràng buộc, giúp họ có được một lợi thế đáng kể trong khu vực về tên lửa đạn đạo tầm trung. Các cuộc đàm phán trong tương lai giữa bất kỳ hai trong ba quốc gia này có thể lại tạo ra động lực cho sự phổ biến vũ khí hạt nhân ở quốc gia thứ ba.

HỢP LỰC VÀ CHINH PHỤC

Một số chiến lược gia Mỹ đã đề xuất rằng để đối phó với liên minh này, Washington nên cố gắng chia rẽ nó. Các quan chức Mỹ dường như đang lắng nghe. Ví dụ, vào tháng 3 năm 2023, Blinken đã cố gắng tạo ra sự chia rẽ giữa Bắc Kinh và Moscow bằng cách khai thác sự bất an của Nga: “Nga thực sự là đối tác cấp dưới trong môi quan hệ này,” ông nói. Những nỗ lực này có thể gợi nhớ đến thời kỳ Chiến tranh Lạnh, khi Washington tìm cách chia rẽ liên minh Trung – Xô. Khi Bắc Kinh và Moscow ngày càng xa cách, các nhà ngoại giao Mỹ đã thiết lập các kênh liên lạc với các đối tác Trung Quốc, dẫn đến chuyến thăm Trung Quốc của Tổng thống Richard Nixon

vào năm 1972. Bảy năm sau, Trung Quốc và Mỹ thiết lập quan hệ chính thức. Cuối cùng, họ thậm chí đã hợp tác để do thám Liên Xô.

Tuy nhiên, ngày nay, những nỗ lực như vậy sẽ trở nên vô ích. Liên minh độc tài mang lại cho Bắc Kinh sự hỗ trợ chính trị, nguồn cung cấp năng lượng và công nghệ mà Trung Quốc không thể có được từ phương Tây. Những nỗ lực thuyết phục bất kỳ quốc gia nào trong số này rằng các đồng minh độc tài của họ là mối đe dọa lớn hơn Mỹ sẽ không những không hiệu quả mà còn là một sai lầm.

Thay vì cố gắng chia rẽ liên minh này, Mỹ cần làm điều ngược lại: coi các quốc gia thành viên như một khối gắn kết chặt chẽ. Điều này có nghĩa là bảo đảm rằng hành vi xấu của một quốc gia sẽ dẫn đến hình phạt đối với tất cả các quốc gia còn lại. Thay vì chỉ trừng phạt các công ty Trung Quốc hỗ trợ nỗ lực chiến tranh của Nga, Mỹ có thể coi nhà nước Trung Quốc là một thực thể hỗ trợ và thực hiện các biện pháp kinh tế đối với cả quốc gia này. Mỹ có thể yêu cầu Bắc Kinh rằng các biện pháp này sẽ tiếp tục cho đến khi Nga quay lại bàn đàm phán. Bắc Kinh sẽ phản đối, cho rằng họ không có ảnh hưởng đối với Moscow. Điều này có thể đúng. Nhưng với sự can dự trực tiếp, Trung Quốc sẽ nỗ lực nhiều hơn để có được ảnh hưởng cần thiết nhằm gây sức ép lên Nga.

Việc nhóm các quốc gia này lại cũng có thể giúp Mỹ thống nhất liên minh của mình. Châu Âu có thể chưa hoàn toàn hiểu mối đe dọa mà Bắc Kinh đặt ra đối với trật tự quốc tế, nhưng chắc chắn họ hiểu rõ những nguy hiểm từ Moscow.

Tuy nhiên, Mỹ đã không làm đủ để giải thích với các quốc gia châu Âu tại sao Trung Quốc và Nga lại có mối liên kết chặt chẽ, thay vì chỉ nhấn mạnh những mối quan hệ hẹp giữa Bắc Kinh và cuộc xâm lược của Moscow. Nếu Washington có thể giải thích mối quan hệ rộng lớn hơn này, các quốc gia châu Âu sẽ dễ dàng nhận thức nghiêm túc về thách thức an ninh từ Trung Quốc và chủ động hơn trong việc điều chỉnh hành vi của Bắc Kinh.

Tuy nhiên, Mỹ vẫn nên tránh một cách tiếp cận mang tính lý tưởng. Mặc dù nên coi các quốc gia độc tài này như một khối, nhưng Mỹ không nên trình bày cuộc cạnh tranh toàn cầu như cuộc đối đầu giữa các nền dân chủ và các quốc gia độc tài. Các đối tác độc tài (như Ả Rập Saudi) sẽ không muốn giúp Mỹ chiến thắng Trung Quốc nếu cuộc cạnh tranh này xoay quanh hệ thống chính quyền. Tương tự, nhiều quốc gia dân chủ tiềm năng trong thế giới đang phát triển, như Brazil, Indonesia và Nam Phi cũng sẽ như vậy. Thực tế, Trung Quốc đã xây dựng một mạng lưới bạn bè rộng lớn bằng cách không quan tâm đến chế độ chính trị và tập trung vào phát triển. Trong các bài phát biểu trước công chúng, Tập Cận Bình thường xuyên nhấn mạnh sự tôn trọng của Bắc Kinh đối với “chủ quyền quốc gia”, cam kết “không can thiệp” và mong muốn giúp các quốc gia nghèo thoát nghèo. Thế giới đang phát triển đã lắng nghe. Mùa hè năm 2024, khi Tập gặp Tổng thống José Ramos-Horta của Đông Timor – một quốc gia nhỏ, nghèo và rất dân chủ – Ramos-Horta tuyên bố rằng ông không quan tâm đến các cuộc cạnh tranh giữa các cường quốc hay bản chất của các quốc gia đồng minh. Nếu Trung Quốc có thể giúp Đông Timor giảm đi tình trạng nghèo đói và

suy dinh dưỡng, Ramos-Horta nói, “thì Trung Quốc là anh hùng của tôi.”

Washington nên học hỏi từ sách vở của Bắc Kinh. Nếu muốn trở thành người lãnh đạo của cả thế giới, không chỉ là thế giới tự do, Mỹ cần giành được sự ủng hộ từ cả các nền dân chủ và các quốc gia độc tài. (Theo Freedom House, 80% dân số thế giới sống ở những quốc gia không tự do hoặc chỉ tự do một phần.) Mỹ cần linh hoạt hơn, điều chỉnh các đề xuất và thông điệp của mình để giải quyết những vấn đề mà mỗi quốc gia quan tâm. Quá trình này không chỉ bao gồm việc cung cấp nhiều viện trợ mà còn đóng góp vào các dự án phù hợp, chẳng hạn như những dự án liên quan đến chăm sóc sức khỏe, giáo dục đại học và an ninh mạng. Điều này có nghĩa là tăng cường giao tiếp ngoại giao, hợp tác quân sự và kết nối giữa con người.

Đúng là, bằng cách gia tăng sức ép, Washington và các đồng minh có thể đẩy Bắc Kinh đến việc củng cố các mối quan hệ với Iran, Bắc Triều Tiên và Nga. Nhưng Trung Quốc đã thu được lợi ích đáng kể từ những mối quan hệ này, vì vậy Mỹ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc có lập trường cứng rắn hơn. Thực tế là bất kỳ hành động nào của Mỹ nhằm áp đặt chi phí lên Trung Quốc sẽ khiến Bắc Kinh không hài lòng. Cách duy nhất để tránh điều đó là trao cho Trung Quốc những gì họ muốn, đó là quyền kiểm soát lãnh thổ đối với Đài Loan, kiểm soát biển ở Biển Đông và sự thống trị về kinh tế, quân sự và chính trị ở châu Á. Washington không thể ngại ngần yêu cầu Trung Quốc phải trả giá cho việc giúp đỡ các

tác nhân xấu, đặc biệt là khi để mặc Trung Quốc có thể giả vờ là đứng ngoài cuộc chiến.

Oriana Skylar Mastro là Nghiên cứu viên tại Trung tâm Freeman Spogli thuộc Viện Nghiên cứu Quốc tế tại Đại học Stanford, là Học giả Không Cư trú tại Quỹ Carnegie vì Hòa bình Quốc tế, và là tác giả của cuốn sách **Upstart: How China Became a Great Power** (Tân Cường Quốc: Cách Trung Quốc Trở Thành Cường Quốc).

Nguồn: Oriana Skylar Mastro, "China's Agents of Chaos," Foreign Affairs, 22/10/2024.

Biên dịch: Phong trào Duy Tân.

NĂM TƯỞNG LAI CỦA NƯỚC NGA



STEPHEN KOTKIN

Và Mỹ nên chuẩn bị như thế nào cho bất cứ điều gì có thể đến.

Vladimir Putin vừa tròn 71 tuổi vào ngày 7 tháng 10 năm ngoái, trùng vào ngày Hamas tấn công Israel. Tổng thống Nga đã coi cuộc tấn công này như một món quà sinh nhật; nó đã làm thay đổi bối cảnh về hành động xâm lược của ông ở Ukraine. Có lẽ để bày tỏ sự trân trọng, ông đã cho Bộ Ngoại giao Nga mời các đại diện cấp cao của Hamas đến Moscow vào cuối tháng 10, thể hiện sự tương đồng về lợi ích giữa hai bên. Vài tuần sau, Putin tuyên bố sẽ ra tranh cử nhiệm kỳ thứ năm trong cuộc bầu cử không có sự lựa chọn vào tháng 3 năm 2024 và sau đó tổ chức cuộc họp báo thường niên, để các phóng viên dễ bảo có cơ hội nghe ông tự mãn khoe khoang về sự mệt mỏi của phương Tây đối với cuộc chiến ở Ukraine. “Hầu hết trên toàn bộ mặt trận, quân đội của chúng ta, nói một cách khiêm tốn, đang cải thiện vị trí của mình,” Putin tự hào trong buổi phát sóng trực tiếp. Vào ngày 16

tháng 2, Cơ quan Quản lý Trại giam Liên bang Nga thông báo cái chết đột ngột của nhà hoạt động đối lập Alexei Navalny, 47 tuổi, trong một trại giam phía trên Bắc Cực, nơi ông vẫn tiếp tục tiếp cận hàng triệu người ủng hộ ông và hướng dẫn cách phản đối cuộc trưng cầu dân ý của Putin. Một tháng sau, điều đáng chú ý là Kremlin đã đợi đến khi cuộc bầu cử kết thúc mới công bố chiến thắng của Putin.

Putin tự nhận mình là một hoàng đế mới. Nhưng một hoàng đế thực sự sẽ không phải lo lắng về cuộc khủng hoảng kế vị sắp đến và tác động của nó đến quyền lực của ông hiện tại. Putin đang lo lắng; đó là lý do một phần khiến ông phải tổ chức những cuộc bầu cử giả tạo. Ông sẽ nắm quyền cho đến năm 2030, khi ông bước sang tuổi 78. Tuổi thọ trung bình của nam giới ở Nga thậm chí không đạt 67 tuổi; những người sống đến 60 tuổi có thể sống đến khoảng 80. Số người sống đến 100 tuổi ở Nga rất hiếm. Putin có thể sẽ gia nhập nhóm này, nhưng ngay cả Stalin cũng đã qua đời.

Người tiền nhiệm của Putin, Boris Yeltsin, là một trong những sa hoàng hiếm hoi đã chọn người kế vị và mở đường cho họ lên nắm quyền. Năm 1999, Yeltsin, khi đối mặt với sức khỏe suy yếu và lo sợ rằng ông và bè lũ tham nhũng của mình có thể bị bắt giam khi từ chức, đã chọn Putin để bảo vệ tự do và di sản của mình. “Hãy chăm sóc Nga,” là lời dặn dò của Yeltsin khi rời nhiệm sở. Năm 2007, ở tuổi 76, ông qua đời trong tư cách một người tự do. Tuy nhiên, Putin đã không làm theo gương người bảo trợ của mình. Năm 2008, Putin tạm thời từ chức tổng thống, công nhận giới hạn nhiệm kỳ hai lần liên tiếp mà Yeltsin đã phải đối mặt. Ông đã bổ nhiệm một

người không nổi bật thay thế mình, chuyển sang vị trí thủ tướng và sau đó quay lại làm tổng thống vào năm 2012 và tiếp tục nhiệm kỳ thứ tư. Cuối cùng, ông đã ép quốc hội sửa đổi hiến pháp để loại bỏ các giới hạn về nhiệm kỳ tổng thống. Stalin, cũng như Putin, đã bám víu quyền lực cho đến khi sức khỏe suy yếu. Ông từ chối chấp nhận sự xuất hiện của người kế vị, và cuối cùng đã phải trải qua một cơn đột quỵ nặng đến nỗi đã ngã ngay vào vũng nước tiểu của chính mình.

Putin không phải là Stalin. Stalin là nhà độc tài người Georgia đã xây dựng một siêu cường nhưng để lại hàng triệu người chết trong các nạn đói, lao động khổ sai, phòng tra tấn và một cuộc chiến phòng thủ thảm hại. Trong khi đó, Putin đã tạo dựng một quyền lực bất hợp pháp trong khi khiến hàng trăm nghìn người chết trong một cuộc chiến do chính ông lựa chọn. Dù vậy, sự tương phản này vẫn mang tính giáo huấn. Hệ thống của Stalin không thể tồn tại nếu thiếu ông, dù có một đảng cầm quyền chính thức. Tuy nhiên, sau sự sụp đổ của Liên Xô và một thời gian dài hỗn loạn, Putin đã xây dựng một chế độ độc tài mới. Sự kết hợp giữa sự mong manh và sự phụ thuộc vào các yếu tố lịch sử đã tạo nên chế độ của ông, bao gồm địa lý, bản sắc dân tộc – đế quốc và một nền văn hóa chiến lược sâu sắc. (Nhu Mikhail Saltykov-Shchedrin, nhà văn trào phúng Nga thế kỷ 19, đã nói về đất nước của ông: “Mọi thứ thay đổi mạnh mẽ mỗi 5-10 năm, nhưng không có gì thay đổi trong 200 năm.”) Tuy vậy, dù khi nào Putin ra đi, chế độ độc tài của ông và tương lai của Nga vẫn đang phải đối mặt với nhiều câu hỏi.

Chế độ của Putin tự cho mình là một chiếc tàu phá băng, đập vỡ trật tự quốc tế do Mỹ lãnh đạo nhân danh nhân loại. Washington và các đồng minh đã để mình bị bất ngờ nhiều lần – ở Libya, Syria, Ukraine và Trung Phi. Điều này đã gây ra nỗi lo về những bất ngờ tồi tệ tiếp theo. Nhưng còn tương lai dài hạn thì sao? Làm thế nào, trong bối cảnh không thể tránh khỏi sự ra đi của lãnh đạo và các yếu tố cấu trúc lớn hơn, Nga có thể thay đổi hoặc không thay đổi trong thập kỷ tới và có thể lâu hơn?

Những ai muốn dự đoán tương lai của Nga có thể tham khảo các thị trường cá cược. Tuy nhiên, các quan chức phương Tây và những người ra quyết định cần làm là xem xét các kịch bản, dựa trên các xu hướng hiện tại để chuẩn bị cho những tình huống bất ngờ. Kịch bản là cách để giảm thiểu sự bất ngờ. Cần lưu ý rằng thế giới luôn gây bất ngờ, và có thể xảy ra những sự kiện không thể dự đoán trước. Tuy nhiên, hiện tại, có thể hình dung ra năm kịch bản cho tương lai của Nga, và Hoa Kỳ cùng các đồng minh của mình nên chuẩn bị cho chúng.

Qua nhiều nhiệm kỳ tổng thống, Washington đã phải học một bài học đau đớn rằng họ không có đủ khả năng để thay đổi những quốc gia như Nga và Trung Quốc: những quốc gia đã hình thành từ các đế quốc trên lục địa Á-Âu và tự hào là những nền văn minh cổ xưa, tồn tại lâu trước khi Hoa Kỳ được thành lập, hướng chi là sự hình thành của phương Tây. Những quốc gia này không phải là những nhân vật trong vở kịch *Pygmalion* của George Bernard Shaw, có thể dễ dàng chuyển từ những đứa trẻ đường phố thành những quý cô tinh

tế: tức là, từ các chế độ độc tài, đế quốc trở thành những đôi tác có trách nhiệm trong hệ thống quốc tế do Mỹ dẫn dắt. Các nỗ lực để thay đổi “tính cách” của họ thường dẫn đến sự chỉ trích lẫn nhau và thất vọng. Những nhà lãnh đạo như Putin và Tập Cận Bình không phải tự nhiên đảo ngược một quá trình đầy hy vọng; họ chính là kết quả của quá trình đó. Vì vậy, Washington và các đồng minh không nên phóng đại khả năng thay đổi quỹ đạo của Nga. Thay vào đó, họ cần chuẩn bị cho bất cứ điều gì sẽ xảy ra.

NGA NHƯ PHÁP

Pháp là một quốc gia với truyền thống quan liêu và quân chủ sâu sắc, và cũng có một truyền thống cách mạng đầy rêu ren. Những người cách mạng đã xóa bỏ chế độ quân chủ chỉ để chúng kiến nó quay lại dưới hình thức của cả vua và hoàng đế, rồi lại biến mất khi các nền cộng hòa lên và xuống. Pháp xây dựng và đánh mất một đế quốc thuộc địa rộng lớn. Trong suốt nhiều thế kỷ, các nhà cai trị của Pháp, không ai hơn Napoleon, đã đe dọa các quốc gia láng giềng.

Ngày nay, những truyền thống này vẫn tồn tại trong nhiều hình thức khác nhau. Như nhà tư tưởng Pháp Alexis de Tocqueville đã sắc bén quan sát trong tác phẩm *Chế độ Cũ và Cách mạng* năm 1856, những nỗ lực của những người cách mạng nhằm cắt đứt hoàn toàn với quá khứ cuối cùng lại vô tình củng cố các cấu trúc nhà nước. Mặc dù hệ thống cộng hòa đã được củng cố, di sản quân chủ của Pháp vẫn tồn tại biểu tượng qua các cung điện ở Versailles và những nơi khác, qua các bức tượng của các nhà cai trị dòng họ Bourbon, và

trong một hình thức cai trị tập trung vô cùng, với quyền lực và sự giàu có tập trung ở Paris. Dù đã mất đi đế quốc chính thức, Pháp vẫn là một quốc gia kiêu hãnh, mà nhiều công dân và người ngưỡng mộ nhìn nhận như một nền văn minh với một cảm giác nhiệm vụ đặc biệt trên thế giới và ở châu Âu, cũng như một ngôn ngữ được nói rộng rãi ngoài biên giới của mình (60% người nói tiếng Pháp hàng ngày là công dân của các quốc gia khác). Nhưng điều quan trọng là, ngày nay, Pháp đã có sự cai trị theo pháp luật và không còn đe dọa các quốc gia láng giềng.

Nga cũng có một truyền thống nhà nước mạnh và quân chủ, một truyền thống sẽ tồn tại bất chấp bất kỳ hệ thống chính trị nào trong tương lai, và một truyền thống cách mạng đầy rẫy rồi ren, dù điều này không còn đang diễn ra nhưng nó vẫn sống mãi trong các thể chế và ký ức như một nguồn cảm hứng và cảnh báo. Chắc chắn, những người Romanov chuyên quyền còn ít bị hạn chế hơn cả dòng họ Bourbon chuyên chế. Cách mạng Nga còn tàn bạo và phá hủy hơn cả cách mạng Pháp. Đế quốc đã mất của Nga là một đế quốc liên kè, không phải ở nước ngoài, và kéo dài lâu hơn rất nhiều — thực tế là, gần như suốt chiều dài lịch sử của nhà nước Nga hiện đại. Tại Nga, sự thống trị của Moscow đối với phần còn lại của đất nước còn vượt xa sự thống trị của Paris đối với Pháp. Diện tích địa lý của Nga cũng lớn gấp nhiều lần Pháp, với phạm vi trải dài từ châu Âu đến Kavkaz, Trung Á và Đông Á. Rất ít quốc gia có điểm tương đồng với Nga. Tuy nhiên, Pháp có thể có nhiều điểm tương đồng hơn bất kỳ quốc gia nào khác.

Pháp hiện đại là một quốc gia lớn, dù không thiếu những người chỉ trích. Một số chỉ trích những gì họ cho là chủ nghĩa nhà nước mạnh quá mức, thuế cao cần thiết để tài trợ cho các dịch vụ không đồng đều, cũng như một tinh thần xã hội chủ nghĩa rộng rãi. Những người khác phê phán những gì họ cho là sự kiêu ngạo về quyền lực và chủ nghĩa dân tộc văn hóa của Pháp. Một số khác thì than phiền về khó khăn trong việc hòa nhập người nhập cư. Tuy người ta có thể thất vọng về những khía cạnh này hay những khía cạnh khác của đất nước, họ vẫn phải công nhận rằng Pháp cung cấp một mô hình thực tế gần nhất cho một nước Nga thịnh vượng và hòa bình. Nếu Nga trở thành như Pháp — một nền dân chủ với hệ thống pháp trị, trân trọng quá khứ quân chủ và cách mạng nhưng không còn đe dọa các quốc gia láng giềng — thì đó sẽ là một thành tựu lớn.

Pháp đã trải qua một con đường gập ghềnh để trở nên như ngày hôm nay. Hãy nhớ đến cuộc khủng bố cách mạng của Robespierre, sự bành trướng thảm khốc của Napoleon, cuộc đảo chính của Napoleon Đệ Tam (từ tổng thống được bầu thành hoàng đế), sự chiếm đoạt quyền lực của Cộng hòa Paris, sự thất bại nhanh chóng trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai, chính quyền hợp tác Vichy sau đó, chiến tranh thuộc địa ở Algeria, và các hành động ngoài hiến pháp của Tổng thống Charles de Gaulle sau khi ông trở lại chính trường năm 1958. Người ta có thể bị hấp dẫn với ý tưởng cho rằng Nga cần một de Gaulle của riêng mình để giúp củng cố một trật tự tự do từ trên xuống, mặc dù không có vị cứu tinh nào hiện ra trên đường chân trời của Nga. Nhưng chỉ có những người viết tiểu

sử với mục tiêu thánh hoá mới cho rằng chỉ một người đã tạo ra nước Pháp ngày nay. Bất chấp những thời điểm bất ổn của đất nước, qua nhiều thế hệ, Pháp đã phát triển các thể chế công bằng, chuyên nghiệp — một hệ thống tư pháp, một hệ thống công vụ, một không gian công cộng tự do và mở — của một quốc gia dân chủ, cộng hòa. Vấn đề không phải là Yeltsin không phải là de Gaulle. Vấn đề là Nga đã cách xa một trật tự hiến pháp ổn định theo kiểu phương Tây vào năm 1991 xa hơn nhiều so với Pháp ba thập kỷ trước.

NGA TỰ THU HẸP

Một số người Nga có thể chào đón sự chuyển mình thành một quốc gia giống như Pháp, nhưng cũng có những người coi điều này là không thể chấp nhận. Những gì thế giới hiện nay gọi là Putinism (chế độ Putin) bắt nguồn từ các tạp chí tiếng Nga và các hội nhóm tình nguyện vào những năm 1970: một chủ nghĩa dân tộc độc tài, oán giận, mang tính huyền bí, dựa trên chủ nghĩa chống phương Tây, tán dương những giá trị truyền thống và pha trộn lộn xộn giữa chủ nghĩa Sla-vơ, chủ nghĩa Á Âu và Chính thống giáo Đông Phương. Ta có thể tưởng tượng một nhà lãnh đạo dân tộc chủ nghĩa độc tài tiếp nhận những quan điểm này và, giống như Putin, tin rằng Hoa Kỳ đang cố gắng hủy diệt Nga, nhưng cũng lo lắng về tương lai mơ hồ của Nga và sẵn sàng đổ lỗi cho Putin về điều đó. Nói cách khác, người này sẽ kêu gọi sự ủng hộ từ những người theo Putin nhưng đồng thời cho rằng chiến tranh với Ukraine đang làm tổn hại đến Nga.

Dân số là một vấn đề lớn đối với những người dân tộc chủ nghĩa ở Nga, và cũng là mối lo ngại của giới quân sự cũng như nhiều người dân thường. Kể từ năm 1992, mặc dù có sự di cư đáng kể, dân số của Nga đã giảm. Dân số trong độ tuổi lao động đạt đỉnh vào năm 2006 với khoảng 90 triệu người và hiện nay chỉ còn dưới 80 triệu, một xu hướng rất đáng lo ngại. Chi tiêu cho cuộc chiến ở Ukraine đã giúp phát triển ngành công nghiệp quốc phòng của Nga, nhưng lực lượng lao động suy giảm của quốc gia này đang trở nên ngày càng rõ rệt ngay cả trong lĩnh vực này, nơi thiếu khoảng 5 triệu công nhân có trình độ cần thiết. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi từ 20 đến 39, nhóm tuổi có năng suất lao động cao nhất, sẽ tiếp tục giảm trong thập kỷ tới. Không có gì, kể cả việc bắt cóc trẻ em từ Ukraine, mà Tòa án Hình sự Quốc tế đã truy tố Putin, có thể đảo ngược sự suy giảm dân số của Nga, điều mà chiến tranh với những tổn thất lớn đang làm trầm trọng thêm. Những cải tiến năng suất có thể giúp bù đắp cho xu hướng dân số này hiện không thấy xuất hiện. Nga đứng gần cuối trong bảng xếp hạng thế giới về tự động hóa trong sản xuất: mức độ tự động hóa của Nga chỉ là một phần rất nhỏ so với mức trung bình toàn cầu. Trước khi chiến tranh ở Ukraine leo thang và bắt đầu làm tổn hại ngân sách nhà nước, Nga cũng đã xếp thấp trong các bảng xếp hạng chi tiêu cho giáo dục. Trong hai năm qua, Putin đã sẵn sàng đánh mất phần lớn tương lai kinh tế của đất nước khi ông khiến hàng nghìn công nhân trẻ trong ngành công nghệ rời bỏ đất nước để tránh nghĩa vụ quân sự và sự đàn áp. Dù nhiều người theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan nghĩ rằng không cần thiết phải giữ lại

những người này, nhưng thực tế là, một cường quốc cần có những người này.

Với vị trí địa lý rộng lớn ở khu vực Á-Âu và mối quan hệ lâu dài với nhiều khu vực trên thế giới, cùng với khả năng khai thác cơ hội, Nga vẫn có thể nhập khẩu những linh kiện thiết yếu cho nền kinh tế của mình mặc dù có các lệnh trừng phạt từ phương Tây. Bất chấp sự khéo léo này và mặc dù công chúng đã quen với chiến tranh, giới tinh hoa Nga hiểu rõ những con số đáng lo ngại. Họ biết rằng với tư cách là một quốc gia xuất khẩu hàng hóa, sự phát triển lâu dài của Nga phụ thuộc vào việc chuyển giao công nghệ từ các quốc gia phát triển. Tuy nhiên, cuộc xâm lược của Putin vào Ukraine đã khiến việc tiếp cận công nghệ phương Tây trở nên khó khăn hơn, và việc ông Putin ủng hộ Hamas – một tổ chức cực đoan – đã làm căng thẳng thêm mối quan hệ với Israel, một nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ công nghệ cao quan trọng. Trên một phương diện cơ bản hơn, giới tinh hoa Nga đang ngày càng bị cô lập khỏi thế giới phát triển: những nơi trú ẩn ở Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE), dù rất thoải mái, cũng không thể thay thế các biệt thự và trường học ở châu Âu.

Mặc dù chế độ độc tài ở Nga lại một lần nữa chứng tỏ khả năng kiên cường trong chiến tranh, sự thiếu hụt đầu tư nội địa và sự đa dạng hóa, những vấn đề dân số ngày càng nghiêm trọng, và sự tụt hậu về công nghệ có thể sẽ khiến các nhà dân tộc chủ nghĩa cứng rắn – trong đó có nhiều thành viên của giới tinh hoa – phải thừa nhận rằng Nga đang đi trên một con đường tự hủy hoại. Nhiều người trong giới tinh hoa

đã thâm kết luận rằng Putin đã đánh đồng sự tồn tại của chế độ cá nhân đang già cỗi của mình với sự tồn tại của Nga như một cường quốc vĩ đại. Ít nhất trong lịch sử, những nhận thức này đã dẫn đến sự thay đổi hướng đi, từ việc mở rộng lãnh thổ ra ngoài đến việc tập trung vào phát triển trong nước. Mùa hè năm ngoái, khi đội sát thủ của thủ lĩnh lính đánh thuê Yevgeny Prigozhin kéo quân tiến về Moscow, điều đó không khiến các sĩ quan quân đội tham gia hưởng ứng, và đó là một trong những lý do mà Prigozhin đã hủy bỏ kế hoạch. Nhưng cũng không có gì thúc đẩy những người ủng hộ chế độ đứng ra bảo vệ Putin ngay lập tức. Sự kiện này vô tình trở thành một cuộc trưng cầu dân ý về chế độ, phơi bày sự trống rỗng ẩn chứa bên trong sức mạnh đàn áp.

Việc cắt giảm quyền lực có thể là hệ quả từ việc thúc đẩy sự ra đi của Putin, hoặc có thể xảy ra sau khi ông qua đời tự nhiên. Nó cũng có thể bị áp đặt lên ông mà không cần phải loại bỏ ông, thông qua các mối đe dọa chính trị thực sự đối với quyền lực của ông. Dù xảy ra theo cách nào, quá trình này sẽ chủ yếu liên quan đến các động thái chiến thuật, được thúc đẩy bởi sự nhận thức rằng Nga không có khả năng đối đầu với phương Tây mãi mãi, phải trả một cái giá khổng lồ khi cố gắng làm vậy, và có nguy cơ mất vĩnh viễn các mối quan hệ quan trọng với châu Âu để đổi lấy sự phụ thuộc nhục nhã vào Trung Quốc.

NGA NHƯ CHƯ HẬU

Những người ủng hộ Putin ở Nga tự hào rằng họ đã phát triển một lựa chọn tốt hơn phương Tây. Mối quan hệ giữa Trung

Quốc và Nga đã gây bất ngờ cho nhiều nhà phân tích, đặc biệt là khi nhớ lại những căng thẳng trong quan hệ giữa Bắc Kinh và Moscow trong quá khứ, bao gồm cuộc chia rẽ Trung-Xô nổi tiếng vào những năm 1960, đỉnh điểm là cuộc chiến biên giới ngắn. Mặc dù xung đột này đã được giải quyết bằng cách phân định lại biên giới, Nga vẫn là quốc gia duy nhất kiểm soát các vùng lãnh thổ mà họ chiếm từ chính quyền nhà Thanh, điều mà Trung Quốc coi là kết quả của các hiệp ước bất công. Tuy nhiên, điều đó không ngăn cản Trung Quốc và Nga củng cố quan hệ, đặc biệt là các cuộc tập trận quân sự chung, diễn ra ngày càng thường xuyên và rộng khắp trong suốt 20 năm qua. Hai nước đồng thuận về những vấn đề quan trọng, như sự mở rộng của NATO và can thiệp của phương Tây vào Ukraine, nơi sự hỗ trợ của Trung Quốc dành cho Nga vẫn là yếu tố quyết định.

Mối quan hệ xích lại giữa Trung Quốc và Nga đã có từ trước khi Putin và Tập Cận Bình lên nắm quyền. Vào những năm 1980, chính Đặng Tiểu Bình là người thực hiện một bước ngoặt quan trọng trong việc rời xa Moscow, một bước ngoặt có ý nghĩa hơn cả những gì Mao Trạch Đông đã làm trong những năm 1960 và 1970. Đặng đã mở ra cơ hội tiếp cận thị trường tiêu thụ nội địa của Mỹ cho các nhà sản xuất Trung Quốc, một chiến lược tương tự đã giúp Nhật Bản, rồi sau đó là Hàn Quốc và Đài Loan, chuyển mình. Sự ly khai của Đặng Tiểu Bình với Liên Xô cộng sản và việc ông thực hiện một “cuộc hôn nhân” kinh tế thực tế với các nhà tư bản Mỹ và châu Âu đã khởi xướng một thời kỳ thịnh vượng phi thường,

tạo ra tầng lớp trung lưu ở Trung Quốc. Tuy nhiên, Trung Quốc và Nga vẫn duy trì mối quan hệ chặt chẽ.

Giang Trạch Dân, người kế nhiệm được Đặng Tiểu Bình lựa chọn và là một người đã từng được đào tạo tại một nhà máy Liên Xô, đã đưa Nga trở lại như một người “bạn tình” mà không làm tổn hại đến mối quan hệ “hôn nhân” giữa Mỹ và Trung Quốc. Giang đã ký các hợp đồng giúp hồi sinh tổ hợp quân sự-công nghiệp đang gặp khó khăn của Nga và hiện đại hóa ngành sản xuất vũ khí cùng quân sự của Trung Quốc. Vào năm 1996, Giang và Yeltsin đã công bố một “quan hệ đối tác chiến lược”. Mặc dù thương mại song phương còn hạn chế, nhưng sự bùng nổ kinh tế trong nước của Trung Quốc đã gián tiếp giúp khôi phục ngành sản xuất dân sự có từ thời Liên Xô, bằng cách tăng cầu toàn cầu và từ đó làm tăng giá các nguyên liệu công nghiệp mà Liên Xô sản xuất với chất lượng thấp nhưng với số lượng lớn, từ thép đến phân bón. Giống như Mỹ đã góp phần tạo dựng tầng lớp trung lưu ở Trung Quốc, Trung Quốc cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành tầng lớp trung lưu của Nga và sự bùng nổ kinh tế dưới thời Putin.

Tuy nhiên, mối quan hệ xã hội và văn hóa giữa hai dân tộc vẫn còn cạn kiệt. Người Nga có nền văn hóa châu Âu, và rất ít người biết tiếng Trung Quốc (so với tiếng Anh). Mặc dù một số người Trung Quốc lớn tuổi biết tiếng Nga, di sản của Moscow từng là trung tâm của thế giới cộng sản, nhưng số lượng này không nhiều, và thời kỳ đông đảo sinh viên Trung Quốc học tại các trường đại học Nga đã trở thành một ký ức xa xôi. Người Nga lo ngại về sức mạnh của Trung Quốc, trong

khi nhiều người Trung Quốc khinh miệt sự yếu kém của Nga và chế giễu nước này trên mạng. Những người trung thành với Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn không thể tha thứ cho Moscow vì đã phá hủy chủ nghĩa cộng sản ở khắp Á-Âu và Đông Âu.

Dù vậy, mối quan hệ cá nhân giữa Putin và Tập Cận Bình đã bù đắp cho những yếu tố văn hóa và xã hội yếu ớt. Hai nhà lãnh đạo này đã gặp nhau tới 42 lần, công khai ca ngợi nhau là “người bạn tốt nhất” (Tập Cận Bình về Putin) và “người bạn thân thiết” (Putin về Tập Cận Bình). Quan hệ đồng minh độc tài của họ được xây dựng trên nền tảng chống phương Tây, đặc biệt là chống Mỹ. Khi Trung Quốc, đối tác nhỏ trước đây, trở thành đối tác lớn, hai quốc gia đã nâng cấp quan hệ và công nhận một “quan hệ đối tác chiến lược toàn diện” vào năm 2013. Chính thức, thương mại giữa Nga và Trung Quốc đã vượt quá 230 tỷ USD vào năm 2023, so với chỉ 16 tỷ USD ba thập kỷ trước. Tuy nhiên, con số này không bao gồm những giao dịch qua các quốc gia trung gian như Kyrgyzstan, Thổ Nhĩ Kỳ và UAE.

Trung Quốc vẫn mua động cơ máy bay quân sự từ Nga. Tuy nhiên, sự phụ thuộc chủ yếu lại nghiêng về phía Nga. Các lệnh trừng phạt của phương Tây đã đẩy nhanh sự sụp đổ của ngành công nghiệp xe hơi trong nước của Nga vào tay Trung Quốc. Hiện Moscow đang nắm giữ một lượng lớn dự trữ nhân dân tệ, mà chỉ có thể sử dụng để mua hàng hóa Trung Quốc. Tuy nhiên, mặc dù đã có vô số cuộc họp trong suốt nhiều thập kỷ qua, vẫn chưa có thỏa thuận cuối cùng về một dự án đường ống khí đốt tự nhiên lớn bắt nguồn từ Siberia, đi qua

Mông Cổ và đến Trung Quốc. Lãnh đạo Trung Quốc luôn tránh việc trở thành phụ thuộc vào Nga về năng lượng hay bất kỳ lĩnh vực nào khác. Ngược lại, Trung Quốc hiện là quốc gia dẫn đầu thế giới trong năng lượng mặt trời và gió, và đang nỗ lực thay thế Nga để trở thành người đứng đầu toàn cầu trong lĩnh vực năng lượng hạt nhân.

Các tầng lớp tinh hoa Nga, dù lên án kịch liệt một ý đồ giả tưởng của Mỹ muốn khuất phục hoặc chia rẽ đất nước họ, nhìn chung lại không lên tiếng phản đối việc Putin làm cho Nga phụ thuộc vào Trung Quốc. Gần đây, các bình luận gia Nga đã bắt đầu kể lại câu chuyện về Alexander Nevsky, người vào thế kỷ XIII là hoàng tử của Novgorod, một trong những vương quốc sau này sáp nhập vào Moskva, tiền thân của đế quốc Nga. Khi phải đối mặt với thách thức từ hai mặt trận, Nevsky đã chọn chiến đấu với quân thập tự chinh phương Tây, đánh bại quân Teuton trong trận Băng, đồng thời hòa hoãn với quân Mông Cổ xâm lược từ phương Đông, vượt qua Trung Á để đến kinh đô của Đoàn Hãn Mông Cổ, được công nhận là hoàng tử tối cao của Nga. Trong cách kể này, quân thập tự chinh phương Tây muốn làm suy yếu bản sắc Chính thống Nga, trong khi quân Mông Cổ chỉ muốn Nga phải nộp cống. Điều ngầm hiểu ở đây là việc Nga dung hòa với Trung Quốc ngày nay không đòi hỏi Nga từ bỏ bản sắc của mình, trong khi nếu không muốn đối đầu với phương Tây, Nga sẽ phải làm vậy.

Đó là điều vô lý. Người Nga đã mất hàng thế kỷ để giải thoát khỏi cái mà sách giáo khoa của họ đồng loạt gọi là ách thống trị của Mông Cổ, nhưng Nga đã tồn tại qua các mối quan hệ

với phương Tây suốt hàng thế kỷ mà không bao giờ trở thành phương Tây. Tuy nhiên, *không-phải-là-phương-Tây* không có nghĩa là chống lại phương Tây — trừ khi, tất nhiên, một quốc gia đang cố gắng bảo vệ một chế độ phi tự do trong một trật tự thế giới tự do. Nga đã tồn tại trong biên giới hậu Xô viết của mình suốt hai thập kỷ trước khi Putin quyết định rằng tình hình là không thể chịu đựng nổi. Giờ đây, sau khi đốt cầu với phương Tây và đổ lỗi cho họ về vụ hỏa hoạn đó, ông ta không còn lựa chọn nào khác ngoài việc dựa vào sự ưu ái của Trung Quốc.

Sự mất cân bằng lớn và ngày càng gia tăng trong mối quan hệ này đã khiến các nhà phân tích phải gọi Nga là chư hầu của Trung Quốc. Nhưng chỉ có Trung Quốc mới quyết định liệu một quốc gia có trở thành chư hầu của mình hay không, và qua đó Bắc Kinh có thể chỉ đạo chính sách và thậm chí cả nhân sự của Nga, đồng thời gánh vác trách nhiệm. Trung Quốc không có nghĩa vụ hiệp ước ràng buộc nào với Nga. Putin chỉ có lời của Tập, người đã 70 tuổi – và Tập, tất nhiên, cũng là một con người hữu hạn. Tuy nhiên, hai nhà lãnh đạo vẫn tiếp tục lên án tham vọng bá quyền của Mỹ và hợp tác chặt chẽ. Một cam kết chung nhằm bảo vệ trật tự thế giới an toàn cho các chế độ độc tài của họ và thống trị các khu vực của mình đang thúc đẩy một mối quan hệ chư hầu trên thực tế mà cả hai đều không mong muốn.

NGA NHƯ TRIỀU TIÊN

Khi làm sâu sắc thêm sự phụ thuộc của Nga vào Trung Quốc, Putin hoặc người kế nhiệm của ông có thể tìm được cảm hứng

ngịch lý từ kinh nghiệm của Triều Tiên, điều này có thể khiến Tập Cận Bình hoặc người kế nhiệm của ông phải suy nghĩ lại. Trong suốt cuộc can thiệp của Bắc Kinh để cứu Bình Nhưỡng trong Chiến tranh Triều Tiên, Mao Trạch Đông, sử dụng một câu tục ngữ, đã nói rằng nếu môi (Triều Tiên) mất đi, thì răng (Trung Quốc) sẽ lạnh. Ấn độ này vừa chỉ một hành động bảo vệ, vừa là một tình trạng phụ thuộc lẫn nhau. Qua nhiều năm, một số bình luận gia Trung Quốc đã nghi ngờ giá trị của việc nâng đỡ Triều Tiên, đặc biệt là sau khi Triều Tiên thử nghiệm hạt nhân đây thách thức vào năm 2006. Đối mặt với các lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc, mà Trung Quốc cũng tham gia, lãnh đạo Triều Tiên đã kiên quyết thúc đẩy các chương trình vũ khí hạt nhân và tên lửa của mình, các loại vũ khí này không chỉ có thể tấn công Seoul và Tokyo mà còn có thể vươn tới Bắc Kinh và Thượng Hải. Tuy nhiên, lãnh đạo Trung Quốc cuối cùng đã xác nhận lại sự ủng hộ đối với Bình Nhưỡng vào năm 2018. Với sự phụ thuộc cực kỳ lớn của Triều Tiên vào Trung Quốc về lương thực, nhiên liệu và nhiều mặt khác, Bắc Kinh dường như đang giữ Kim Jong Un trong một cái kẹp chặt.

Tuy nhiên, những người trung thành với Bình Nhưỡng đôi khi cảnh báo rằng rằng có thể cắn môi. Như các vòng tròn quyền lực ở Bắc Kinh đã nhiều lần phát hiện, Kim không phải lúc nào cũng nhún nhường trước các ân nhân của mình. Vào năm 2017, ông ta đã ra lệnh giết anh trai cùng cha khác mẹ, Kim Jong Nam, người đang được Trung Quốc bảo vệ ở nước ngoài. Kim có thể thách thức vì ông ta biết rằng dù có làm Bắc Kinh tức giận đến đâu, Trung Quốc cũng không muốn chế độ ở

Bình Nhưỡng sụp đổ. Nếu nhà nước Triều Tiên tan rã, bán đảo Triều Tiên sẽ được thống nhất dưới sự bảo trợ của Hàn Quốc, một đồng minh hiệp ước của Mỹ. Điều đó sẽ đồng nghĩa với việc Trung Quốc, cuối cùng, thua trong Chiến tranh Triều Tiên, một cuộc chiến đã bị đình chỉ suốt hơn 70 năm qua dưới hình thức một lệnh ngừng bắn. Mất đi “đệm” Triều Tiên có thể làm phức tạp thêm các lựa chọn và tiến độ nội bộ của Bắc Kinh liên quan đến kế hoạch sáp nhập Đài Loan, vì Trung Quốc sẽ đối mặt với một môi trường bên ngoài thù địch hơn ngay gần bên. Về mặt lịch sử, sự bất ổn trên bán đảo Triều Tiên thường xuyên lan sang Trung Quốc, và một làn sóng tị nạn có thể làm bất ổn vùng Đông Bắc Trung Quốc, thậm chí có thể ảnh hưởng đến những khu vực khác. Vì vậy, Bắc Kinh dường như đang mắc kẹt trong một hình thức phụ thuộc ngược lại với Bình Nhưỡng. Tập Cận Bình không muốn thấy mình rơi vào tình thế tương tự với Moskva.

Nga và Triều Tiên khó có thể khác biệt hơn thế. Nga rộng gấp hơn 142 lần so với Triều Tiên về diện tích. Triều Tiên có một chế độ di truyền mà Nga không có, mặc dù mỗi người kế nhiệm trong gia đình Kim đều được xác nhận là lãnh đạo bởi một đại hội đảng. Triều Tiên cũng là một đồng minh hiệp ước chính thức của Trung Quốc, đồng minh duy nhất của Bắc Kinh trên thế giới, hai nước đã ký một hiệp định phòng thủ chung vào năm 1961. (Một số bình luận gia Trung Quốc cho rằng Trung Quốc không còn nghĩa vụ bảo vệ Triều Tiên trong trường hợp bị tấn công do sự phát triển vũ khí hạt nhân của Bình Nhưỡng, nhưng hiệp ước này chưa bị hủy bỏ.) Triều Tiên đối mặt với một nhà nước đối địch là Hàn Quốc, điều này

khiến Triều Tiên giống hơn với Đông Đức (mà tất nhiên đã không còn tồn tại) hơn là với Nga.

Mặc dù có những sự khác biệt này và những sự khác biệt khác, Nga có thể trở thành một kiểu “Triều Tiên khổng lồ”: trong nước đàn áp, bị cô lập quốc tế và vi phạm các quy tắc, được trang bị vũ khí hạt nhân, và phụ thuộc một cách tủi nhục vào Trung Quốc nhưng vẫn có thể chống lại Bắc Kinh. Vẫn chưa rõ Putin đã tiết lộ bao nhiêu về kế hoạch của ông đối với Ukraine khi ông đến Bắc Kinh vào tháng 2 năm 2022 và đưa ra tuyên bố chung về “quan hệ đối tác không có giới hạn” giữa Trung Quốc và Nga, điều này làm người ta dễ dàng nghĩ rằng Tập Cận Bình đã tán thành hành động xâm lược của Nga. Không lâu sau khi Trung Quốc công bố kế hoạch hòa bình cho Ukraine, Tập Cận Bình đã đến Moscow để tham dự hội nghị thượng đỉnh, và có lúc ông xuất hiện cùng Putin trên một cầu thang hoa mỹ của Điện Kremlin, nơi vào năm 1939, Joachim von Ribbentrop, bộ trưởng ngoại giao Đức dưới thời phát xít, đã cùng Stalin và bộ trưởng ngoại giao Vyacheslav Molotov bước xuống, trong khi ký kết hiệp ước Hitler-Stalin. Tuy nhiên, một phát ngôn viên của Điện Kremlin đã từ chối khả năng hòa bình, mặc dù chính phủ Ukraine dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Volodymyr Zelensky đã chấp nhận văn kiện mơ hồ của Trung Quốc như là một cơ sở để thảo luận. (Sứ mệnh hòa bình cấp thấp của Trung Quốc đến Kyiv đã thất bại.) Sau đó, khi các nhà ngoại giao Trung Quốc khoe khoang với cả thế giới, đặc biệt là với châu Âu, rằng Tập Cận Bình đã ép buộc Nga cam kết không sử dụng vũ khí hạt nhân ở Ukraine, chính quyền Putin đã

tuyên bố triển khai vũ khí hạt nhân chiến thuật tại Belarus. (Trung Quốc sau đó chỉ trích việc triển khai này.) Không có gì chắc chắn rằng những sự kiện này được coi là những sự xúc phạm rõ ràng. Nhưng chúng đã khiến các quan sát viên phải suy nghĩ về sự phát triển của Nga theo kịch bản Triều Tiên, vì dù không phải là cố ý, chúng cũng cho thấy khả năng Moscow có thể làm Bắc Kinh xấu hổ mà không phải chịu hậu quả.

Kể từ cuộc nổi loạn của Prigozhin, Tập Cận Bình đã nhấn mạnh những gì ông gọi là “lợi ích cơ bản của hai nước và các dân tộc của họ,” ngụ ý rằng mối quan hệ đặc biệt này sẽ tồn tại lâu dài hơn cả sự lãnh đạo hiện tại của Điện Kremlin. Thực tế, một Trung Quốc độc tài khó có thể chấp nhận mất Nga nếu điều đó có nghĩa là kết quả cuối cùng sẽ là một nước Nga thân Mỹ nằm ngay trên biên giới phía bắc của mình, một kịch bản giống nhưng cực kỳ nguy hiểm hơn nhiều so với một bán đảo Triều Tiên thống nhất và thân Mỹ. Ít nhất, việc tiếp cận đầu và khí đốt của Nga, là một phần trong chiến lược phòng ngừa của Trung Quốc đối với nguy cơ bị phong tỏa trên biển, sẽ bị đe dọa. Nhưng ngay cả khi Trung Quốc không thu được nhiều lợi ích vật chất từ Nga, việc ngăn Nga quay lại với phương Tây vẫn là một ưu tiên hàng đầu về an ninh quốc gia. Một nước Nga thân Mỹ sẽ tạo điều kiện cho việc giám sát của phương Tây đối với Trung Quốc (giống như cách mà chính sách hòa hoãn của Tổng thống Mỹ Richard Nixon với Mao Trạch Đông đã giúp phương Tây giám sát Liên Xô từ Tân Cương). Tệ hơn nữa, Trung Quốc sẽ phải điều động lại một lượng tài sản đáng kể từ các khu vực khác để bảo vệ biên giới

phía bắc rộng lớn của mình. Và vì vậy, Trung Quốc phải sẵn sàng tiếp nhận hành vi kiểu Bình Nhưỡng từ Moscow.

NGA TRONG TÌNH TRẠNG HỔN LOẠN

Chế độ Putin sử dụng mối đe dọa về sự hỗn loạn và những điều không thể lường trước để ngăn chặn các thách thức và thay đổi nội bộ. Tuy nhiên, trong khi tích cực gieo rắc sự hỗn loạn ở nước ngoài, từ Đông Âu đến Trung Phi và Trung Đông, chính Nga có thể trở thành nạn nhân của nó. Chế độ Putin đã duy trì sự ổn định tương đối, ngay cả khi phải đối mặt với áp lực cực kỳ lớn từ cuộc chiến tranh quy mô lớn, và những dự đoán về sự sụp đổ dưới sức ép của các lệnh trừng phạt mạnh mẽ từ phương Tây đã không thành hiện thực. Tuy nhiên, các nhà nước Nga do St. Petersburg và Moscow kiểm soát lần lượt đã tan rã trong hơn 100 năm qua, và mỗi lần đều xảy ra một cách bất ngờ nhưng triệt để. Có nhiều nguyên nhân có thể dẫn đến sự sụp đổ trong tương lai gần: một cuộc nổi loạn trong nước vượt khỏi tầm kiểm soát, một hoặc nhiều thảm họa thiên nhiên mà chính quyền không thể xử lý, một tai nạn hoặc hành động phá hoại có chủ đích nhắm vào các cơ sở hạt nhân, hoặc cái chết bất ngờ (hoặc không bất ngờ) của một nhà lãnh đạo. Những quốc gia như Nga, với các thể chế mục nát và thiếu tính hợp pháp, rất dễ bị sụp đổ khi phải đối mặt với một thử thách căng thẳng đột ngột. Hỗn loạn có thể là cái giá phải trả cho sự thất bại trong việc tự thu hẹp và tái cấu trúc.

Tuy nhiên, ngay cả trong hoàn cảnh hỗn loạn, Nga cũng sẽ không tan rã như Liên Xô. Như nhà phân tích trưởng cuối

cùng của KGB đã tiếc nuôi, Liên bang Xô Viết giống như một thanh sô cô la: các mảnh ghép (15 nước cộng hòa) được phân chia rõ ràng như có các nếp gấp, và do đó có thể dễ dàng tách ra. Ngược lại, Liên bang Nga chủ yếu gồm các đơn vị lãnh thổ không dựa trên sắc tộc và không có quyền lực gần giống như một quốc gia độc lập. Các khu vực có danh nghĩa dân tộc trong Liên bang Nga phần lớn không có đa số người dân tộc chính và thường nằm sâu trong nội địa, như Tatarstan, Bashkortostan, Mari El và Yakutia. Tuy nhiên, Liên bang Nga có thể sẽ tan rã một phần ở các khu vực biên giới bất ổn, như Bắc Caucasus. Kaliningrad — một tỉnh nhỏ của Nga tách biệt về mặt địa lý với phần còn lại của Liên bang và nằm giữa Litva và Ba Lan, cách xa Nga hơn 400 dặm — có thể sẽ dễ bị tổn thương.

Nếu sự hỗn loạn lan đến Moscow, Trung Quốc có thể tiến hành chiếm lại vùng đất rộng lớn của lưu vực Amur mà các hoàng đế Romanov đã tước đoạt từ nhà Thanh. Nhật Bản có thể buộc phải thực thi yêu sách của mình đối với các Lãnh thổ Phía Bắc, mà người Nga gọi là các đảo Kuril phía nam, và đảo Sakhalin, cả hai đều từng thuộc quyền cai trị của Nhật Bản, và có thể cả một phần đất liền Viễn Đông của Nga, vốn bị Nhật Bản chiếm đóng trong cuộc Nội chiến Nga. Người Phần Lan có thể tìm cách đòi lại phần Karelia mà họ từng cai trị. Những hành động như vậy có thể dẫn đến sự sụp đổ chung hoặc phản tác dụng, kích động một cuộc huy động quân sự quy mô lớn của Nga.

Trong bối cảnh hỗn loạn, ngay cả khi không mất lãnh thổ lớn, các băng nhóm tội phạm và tội phạm mạng có thể hoạt động

mà không bị trừng phạt. Vũ khí hạt nhân và sinh học, cùng với các nhà khoa học phát triển chúng, có thể bị phân tán—đó là cơn ác mộng mà có thể đã xuất hiện sau sự sụp đổ của Liên Xô nhưng đã được tránh, một phần nhờ vào niềm tin của nhiều nhà khoa học Liên Xô rằng một nước Nga tốt đẹp hơn có thể sẽ ra đời. Nếu điều đó xảy ra lần nữa, rất khó để dự đoán người Nga sẽ cân nhắc giữa hy vọng và sự giận dữ của mình như thế nào. Hỗn loạn không nhất thiết phải dẫn đến một kịch bản tận thế. Nhưng nó có thể. Ngày tận thế có thể chỉ bị hoãn lại, thay vì được ngăn chặn.

NGŨ CỤT LỤC ĐỊA

Một viễn cảnh về tương lai của Nga đang thiếu vắng ở đây là viễn cảnh mà các tuyên truyền viên của chế độ Putin và những người chỉ trích cực hữu của nó thường ca ngợi là Moskva như một trung tâm trong phiên bản thế giới đa cực của mình, thống trị toàn bộ Á-Âu và đóng vai trò trọng tài quan trọng trong các vấn đề toàn cầu. Sergei Karaganov, một người trung thành với Điện Kremlin từng phát biểu: “Chúng ta cần tìm lại chính mình và hiểu chúng ta là ai. Chúng ta là một cường quốc Á-Âu vĩ đại, là Á-Âu phương Bắc, là người giải phóng các dân tộc, là người bảo vệ hòa bình, và là cốt lõi quân sự-chính trị của Đại đa số Thế giới. Đây chính là số mệnh của chúng ta.” Cái gọi là “Nam toàn cầu” — hay như Karaganov gọi là “Đại đa số Thế giới” — không phải là một thực thể thống nhất, huống hồ là có thể coi Nga là trung tâm của nó. Dự án xây dựng Nga thành một siêu lục địa tự lực, trải dài từ châu Âu đến châu Á, đã thất bại. Liên Xô không chỉ duy trì một đế chế nội tại ở các biển Baltic và Biển Đen, mà

còn kiểm soát một đế chế ngoại vi gồm các quốc gia vệ tinh, nhưng cuối cùng tất cả những nỗ lực đó đều không mang lại kết quả gì.

Thực tế, thế giới của Nga đang ngày càng thu hẹp dù họ đang chiếm đóng gần 20% lãnh thổ của Ukraine. Về mặt lãnh thổ, Nga hiện nay xa trung tâm châu Âu hơn bất kỳ thời điểm nào kể từ thời kỳ chinh phục của Peter Đại đế và Catherine Đại đế (ngoại trừ Kaliningrad). Hơn ba thế kỷ sau khi lần đầu tiên xuất hiện trên Thái Bình Dương, Nga vẫn chưa bao giờ thành công trong việc trở thành một cường quốc châu Á. Điều này vẫn đúng ngay cả khi Chiến tranh Thế giới thứ hai mang đến cho Nga cơ hội để trả thù Nhật Bản vì thất bại mà Nga phải chịu trước tay Nhật vào năm 1905, khôi phục vị thế của hoàng đế Nga ở Mãn Châu Trung Quốc, và mở rộng tầm ảnh hưởng đến một phần bán đảo Triều Tiên. Nga sẽ không bao giờ thực sự có thể hòa nhập về mặt văn hóa ở châu Á, và dân số vốn đã rất ít ỏi của Nga ở phía Đông hồ Baikal đã giảm sút kể từ khi Liên Xô tan rã.

Ảnh hưởng của Nga trong khu vực lân cận trực tiếp của mình cũng đang suy giảm. Đại bộ phận các dân tộc không phải gốc Nga ở các vùng biên giới cũ của Liên Xô ngày càng muốn rời xa mối quan hệ với “đế quốc” trước đây và chắc chắn không muốn bị tái sáp nhập. Người Armenia cảm thấy cay đắng, người Kazakhstan thì thận trọng, còn người Belarus lại bị mắc kẹt và không hài lòng với tình trạng hiện tại. Các tư tưởng Á-Âu và Sla-vơ giờ đây hầu như chỉ còn là lý thuyết suông: đại đa số các dân tộc Slavic không phải gốc Nga trên thế giới đã gia nhập hoặc đang kêu gọi gia nhập Liên minh châu Âu và

NATO. Khi Nga không còn là mối đe dọa đối với các quốc gia láng giềng châu Âu, lý do tồn tại của NATO trở nên mơ hồ. Tuy nhiên, điều này có nghĩa là Nga chỉ có thể làm suy yếu NATO bằng cách phát triển thành một nhà nước pháp quyền bền vững — điều mà Putin đang kiên quyết phản đối bằng tất cả sức lực của mình.

Không có cơ sở nào để Nga có thể trở thành một trung tâm toàn cầu, thu hút các quốc gia về phía mình. Mô hình kinh tế của Nga không đem lại nhiều nguồn cảm hứng. Nga khó có thể trở thành một nhà tài trợ lớn về viện trợ. Nga càng ít khả năng bán vũ khí — chính nó cũng cần vũ khí và thậm chí còn đang cố gắng mua lại các hệ thống vũ khí mà mình đã bán trước đó — và trong một số trường hợp, Nga đã phải đổi chác vũ khí với những quốc gia bị cô lập khác. Nga cũng đã mất đi vị thế vững chắc là nhà cung cấp vệ tinh. Nga giờ đây thuộc về một “câu lạc bộ” của những quốc gia bị cô lập, gồm Iran và Triều Tiên, họ trao đổi vũ khí, coi thường luật pháp quốc tế và hứa hẹn sẽ tạo ra thêm nhiều rắc rối. Tuy nhiên, không khó để tưởng tượng rằng họ sẽ phản bội nhau khi có cơ hội, miễn là họ không tự tan rã trước đã; phương Tây có sức bền vững hơn rất nhiều so với các “mối quan hệ đôi tác” của phe chống phương Tây. Thậm chí, nhiều quốc gia từng là đôi tác của Liên Xô, như Ấn Độ và Nam Phi, mặc dù từ chối lên án Nga về vấn đề Ukraine, nhưng họ cũng không coi Moskva là một đối tác phát triển mà chỉ xem Nga như một công cụ để tăng cường chủ quyền của chính mình. Chính sách đối ngoại của Nga chỉ mang lại những lợi ích chiến thuật, chứ không phải chiến lược: không có sự phát triển nguồn nhân lực,

không có quyền tiếp cận công nghệ tiên tiến, không có đầu tư trong nước hay cơ sở hạ tầng mới, không có cải cách trong quản trị, và không có đồng minh hiệp ước sẵn sàng cam kết qua lại — những yếu tố cốt lõi để xây dựng và duy trì quyền lực hiện đại. Ngoài nguyên liệu thô và hành vi chính trị bạo lực, điều duy nhất mà Nga xuất khẩu được chính là những con người tài năng.

Nga chưa bao giờ duy trì được vị thế cường quốc nếu không có quan hệ chặt chẽ với châu Âu. Và đối với Putin hoặc người kế nhiệm, đó sẽ là một con đường dài để quay lại. Ông ta đã phá vỡ hơn hai thế kỷ trung lập của Thụy Điển và ba phần tư thế kỷ “Phần Lan hóa” (khi Helsinki phải nhượng bộ Moskva trong các quyết định chính sách đối ngoại quan trọng), khiến cả hai quốc gia này gia nhập NATO. Tương lai của Nga phần nào phụ thuộc vào xu hướng phát triển của Đức: thử tưởng tượng số phận của châu Âu, và thực sự là trật tự thế giới, nếu sau Thế chiến thứ Hai, Đức đã phát triển theo con đường của Nga ngày nay thay vì trải qua sự chuyển mình ngoạn mục mà chúng ta thấy hôm nay. Đức đã đóng vai trò là cầu nối với Nga, giúp đảm bảo sự thống nhất hòa bình theo các điều kiện của mình và thiết lập các mối quan hệ hợp tác kinh tế có lợi. Tuy nhiên, hiện tại, Moskva không thể tiếp tục thỏa thuận với Berlin để phục hồi các mối quan hệ với châu Âu mà không phải thay đổi cơ bản hành vi chính trị của chính mình, và có thể là cả hệ thống chính trị. Thậm chí, ngay cả khi Nga có thay đổi hệ thống, Ba Lan và các quốc gia Baltic hiện nay vẫn kiên quyết cản trở sự hòa giải của Nga với châu Âu, với tư

cách là những thành viên vĩnh viễn của liên minh phương Tây và EU.

Tương lai của Nga có hai ngã rẽ: một là rủi ro trôi dạt sâu hơn vào vòng tay của Trung Quốc, và con đường còn lại là một cuộc trở lại châu Âu đầy thử thách. Việc vừa giữ vững vị thế cường quốc vừa khôi phục động lực kinh tế, tránh phải nhượng bộ triệt để trước phương Tây hay lệ thuộc lâu dài vào Trung Quốc, thống trị Á-Âu, và thiết lập một trật tự thế giới an toàn cho các chế độ độc tài và sự thao túng — tất cả những điều này sẽ đòi hỏi những bước ngoặt vượt quá khả năng mà Nga có thể kiểm soát.

CÓ CON ĐƯỜNG NÀO TỐT HƠN?

Chiến lược cơ bản của Nga có vẻ đơn giản: đầu tư quá mức vào quân sự, các năng lực “gian lận” và cảnh sát mật, đồng thời cố gắng làm suy yếu phương Tây. Dù vị thế chiến lược của Nga có trở nên nguy cấp đến đâu — và thực tế là nó thường rất nguy cấp — Nga vẫn có thể xoay sở, miễn là phương Tây cũng bị suy yếu. Ngoài việc phương Tây tan rã, một số người Nga thậm chí tưởng tượng về một cuộc chiến giữa Mỹ và Trung Quốc. Phương Tây và phương Đông sẽ tàn phá lẫn nhau, và Nga sẽ cải thiện vị thế tương đối của mình mà không phải tốn nhiều sức lực. Kết quả có vẻ hiển nhiên: Washington và các đồng minh phải duy trì sức mạnh đoàn kết, và Bắc Kinh cần bị ngăn chặn mà không dẫn đến chiến tranh. Tuy nhiên, các lựa chọn thông thường lại có những giới hạn nghiêm trọng. Một lựa chọn là hòa hoãn, điều mà các nhà lãnh đạo Nga thỉnh thoảng cần nhưng hiếm khi theo

đuôi — và khi họ làm vậy, họ lại khiến phương Tây khó duy trì được. Lựa chọn khác là đôi đầu, điều mà các chế độ Nga đòi hỏi nhưng lại không thể chi trả nổi, với chi phí cơ hội quá lớn đối với phương Tây. Con đường đến một lựa chọn tốt hơn bắt đầu bằng việc thừa nhận thẳng thắn các thất bại, nhưng không theo lối suy nghĩ truyền thống.

Những lời kêu gọi công nhận “lợi ích hợp pháp” của Nga thường xuyên xuất hiện trong các chỉ trích chính sách của Mỹ, nhưng sự ổn định cường quốc mà có được nhờ dung túng các vùng ảnh hưởng cưỡng chế luôn chỉ là tạm bợ, ngay cả khi nỗi đau của những quốc gia nhỏ bé bị hy sinh và sự ô nhục trong việc thỏa hiệp với các giá trị của Mỹ vẫn còn dai dẳng. Hãy nghĩ đến việc sau những chiến lược của Nixon và Ngoại trưởng Henry Kissinger, Trung Quốc và Nga hiện nay lại càng gắn kết hơn bao giờ hết. Kiểm soát vũ khí gần như đã hoàn toàn sụp đổ. Chính sách “hòa hoãn” đã chết trước khi nhiều người kịp hiểu ý nghĩa của nó, nhưng những hậu quả nặng nề ở Đông Dương, Mỹ Latinh, Nam Á và nhiều nơi khác vẫn còn đọng lại cho đến tận hôm nay. Kissinger có thể đã biện minh rằng những kết quả thất vọng này là do những quốc gia khác không tuân theo chiến lược cân bằng khôn khéo mà ông áp dụng trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, bất kỳ sự cân bằng nào chỉ phụ thuộc vào sự khéo léo của một cá nhân thì thực tế không phải là một sự cân bằng thực sự.

Nhiều người ủng hộ và những người thực hiện chính sách đôi thoai trong quá khứ khẳng định rằng chính sách gắn kết Trung Quốc kéo dài nhiều thập kỷ của Mỹ thực ra là thông minh hơn vẻ ngoài, rằng các nhà hoạch định chính sách Mỹ

luôn hoài nghi về việc tăng trưởng kinh tế sẽ đưa Trung Quốc đến một hệ thống chính trị mở, nhưng họ vẫn cho rằng việc thử nghiệm là đáng giá. Một số người còn cho rằng họ đã tìm cách phòng ngừa rủi ro thất bại. Tuy nhiên, những nỗ lực tô vẽ lại hình ảnh này không thể che giấu sự bất ổn rõ rệt trong các chuỗi cung ứng toàn cầu (như đã được phơi bày qua đại dịch COVID-19) và tình trạng suy yếu của nền công nghiệp quốc phòng Mỹ (như đã lộ rõ trong cuộc chiến ở Ukraine). Trong trường hợp của Nga, Washington đã thực hiện một số biện pháp phòng ngừa, mở rộng NATO để bao gồm gần như toàn bộ Đông Âu và các quốc gia Baltic. Nhưng điều này không phải vì một đánh giá lạnh lùng về con đường có thể của Nga, mà là do nỗi hổ thẹn từ Hội nghị Yalta, khi Washington đã bất lực trong việc thực hiện lời hứa tổ chức các cuộc bầu cử tự do và công bằng sau Thế chiến II, cũng như những lời kêu gọi gia nhập NATO của các quốc gia mới sau năm 1989. Những người chỉ trích việc mở rộng NATO, trong khi đó, đổ lỗi cho chính sách này về chủ nghĩa phục thù của Nga, như thể một chế độ độc tài chuyên quyền xâm lược các nước láng giềng dưới danh nghĩa bảo vệ an ninh là điều gì đó bất ngờ trong lịch sử Nga, và cho rằng điều đó sẽ không xảy ra nếu NATO không mở rộng — làm cho thêm nhiều quốc gia trở nên dễ bị tổn thương.

Hòa bình chỉ có thể đạt được thông qua sức mạnh, kết hợp với ngoại giao khéo léo. Hoa Kỳ cần duy trì áp lực mạnh mẽ lên Nga, đồng thời đưa ra những động thái khuyến khích để Moskva tự rút lui. Điều này đòi hỏi tạo ra sức ép thông qua các công cụ quân sự tiên tiến, nhưng cũng phải thúc đẩy các

cuộc đàm phán chặt chẽ với các đồng minh và đối tác của Mỹ, được hỗ trợ bởi các kênh trao đổi không chính thức (“Track II”) giữa những nhân vật có ảnh hưởng nhưng không phải chính phủ. Trong khi đó, Washington cần chuẩn bị và tích cực thúc đẩy khả năng một sự điều chỉnh chủ nghĩa dân tộc ở Nga. Nếu Nga không thay đổi nhanh chóng để trở thành một quốc gia tương tự Pháp, sự trỗi dậy của một nhà lãnh đạo dân tộc Nga, người nhận thức được cái giá lâu dài của chủ nghĩa chống phương Tây cực đoan, vẫn là con đường khả dĩ nhất để Nga tìm được một vị trí ổn định trong trật tự quốc tế. Trong ngắn hạn, một bước đi hướng tới mục tiêu này có thể là kết thúc cuộc chiến ở Ukraine với các điều kiện có lợi cho Kyiv: cụ thể là một thỏa thuận ngừng bắn mà không công nhận các cuộc sáp nhập và không vi phạm quyền của Ukraine trong việc gia nhập NATO, EU, hay bất kỳ tổ chức quốc tế nào khác mà Ukraine có thể trở thành thành viên. Putin có thể sẽ đạt được mục tiêu chiến tranh của mình trước khi một quan chức hay sĩ quan theo chủ nghĩa dân tộc Nga có cơ hội chấp nhận những điều kiện như vậy, nhưng cái giá phải trả đối với Nga vẫn sẽ rất cao, vì cuộc xung đột có thể chuyển từ chiến tranh hao mòn sang một cuộc nổi dậy của Ukraine.

Mặc dù nghe có vẻ kỳ lạ, để tạo ra những động lực đúng đắn cho việc rút lui, Washington và các đối tác của mình cần một chính sách ủng hộ Nga: thay vì đẩy người Nga càng lúc càng gần Putin, củng cố những tuyên bố của ông về một phương Tây chống Nga không thể thay đổi, các nhà hoạch định chính sách và tổ chức xã hội dân sự phương Tây nên chào đón và khuyến khích — thông qua thị thực, cơ hội việc làm, cơ hội

đầu tư, giao lưu văn hóa — những người Nga muốn tách biệt Putin khỏi đất nước này, nhưng không nhất thiết phải theo đuổi những lý tưởng của Jefferson. Sẽ là một sai lầm nếu chỉ chờ đợi và thưởng cho một chính phủ Nga theo xu hướng phương Tây.

Phương Tây cũng cần chuẩn bị cho một nước Nga có thể gây ra những tàn phá lớn hơn trên quy mô toàn cầu — nhưng không nên ép Nga phải làm như vậy. Một số nhà phân tích đã kêu gọi Tổng thống Mỹ Joe Biden (hoặc một tổng thống trong tương lai) thực hiện chiến lược đối đầu ngược lại với Nixon-Kissinger: mở rộng ngoại giao với Moskva nhằm đối phó với Bắc Kinh. Tuy nhiên, Trung Quốc và Liên Xô đã chia rẽ từ lâu trước khi chiến lược của Mỹ được áp dụng lần đầu. Việc tách Nga khỏi Trung Quốc ngày nay sẽ là một nhiệm vụ khó khăn. Thậm chí nếu thành công, điều này cũng sẽ đòi hỏi phải làm ngơ trước việc Moskva tái áp đặt các vùng ảnh hưởng lên các lãnh thổ cũ của Liên Xô, bao gồm cả Ukraine. Mối quan hệ chặt chẽ giữa Trung Quốc và Nga, mặt khác, đã làm mất uy tín lẫn nhau và khiến các đồng minh của Washington ở cả châu Á và châu Âu trở nên gắn bó với Mỹ hơn. Thay vì một chiến lược ngược lại, Washington có thể sẽ tìm thấy mình trong một tình huống tương tự Nixon-Kissinger, nhưng theo một phiên bản mới: yêu cầu Trung Quốc giúp kiềm chế Nga.

CƠ HỘI NGOÀI NƯỚC, CƠ HỘI TRONG NƯỚC

Sự mĩa mai lớn nhất của chiến lược vĩ mô Mỹ trong suốt 70 năm qua là nó đã thành công, tạo ra một thế giới hội nhập

với sự thịnh vượng ấn tượng và chia sẻ, nhưng giờ đây lại đang bị từ bỏ. Hoa Kỳ đã mở cửa chào đón các đối thủ của mình mà không yêu cầu sự đáp trả. Tuy nhiên, ngày nay, chính sách công nghiệp và chủ nghĩa bảo hộ đang dần đóng cửa đất nước, không chỉ đối với các đối thủ mà còn đối với các đồng minh, đối tác, bạn bè và những người có thể trở thành bạn của Mỹ. Chính sách của Mỹ giờ đây đã trở nên tương tự như chính sách của Trung Quốc — đúng vào lúc Trung Quốc đang đối mặt với bế tắc.

Chắc chắn rằng, các biện pháp kiểm soát xuất khẩu công nghệ có vai trò trong bộ công cụ chính sách, dù là đối với Trung Quốc hay Nga. Tuy nhiên, điều chưa rõ là Mỹ đang đề xuất gì theo chiều hướng tích cực. Một chính sách thương mại chiến lược — như những sáng kiến trong Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), mà Washington đã khởi xướng nhưng sau đó bỏ rơi — có thể khó thực hiện trong bối cảnh chính trị nội bộ hiện nay. Tuy vậy, một chính quyền linh hoạt có thể đóng gói lại cách tiếp cận này như một nỗ lực đầy tham vọng nhằm bảo vệ chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trật tự thế giới đòi hỏi sự hợp pháp, một hình mẫu đáng để noi theo, và một hệ thống mở rộng cơ hội cho những ai khát khao vươn lên. Hoa Kỳ từng là biểu tượng của cơ hội kinh tế, không chỉ đối với các đồng minh và đối tác mà còn với những quốc gia khác mong muốn đạt được thịnh vượng và hòa bình mà trật tự kinh tế mở do Mỹ lãnh đạo hứa hẹn — và phần lớn đã thực hiện được, làm giảm bất bình đẳng trên quy mô toàn cầu, giúp hàng tỷ người thoát nghèo và tạo dựng các tầng lớp trung lưu vững mạnh. Tuy nhiên, theo thời gian, Hoa Kỳ đã

nhường lại vai trò này, để Trung Quốc trở thành hình mẫu của cơ hội kinh tế (với vai trò là đối tác thương mại lớn nhất của hầu hết các quốc gia) và khả năng sản xuất (là trung tâm của kiến thức kỹ thuật, thành thạo logistics và lực lượng lao động lành nghề). Để lấy lại những gì đã mất và khôi phục động lực thăng tiến xã hội trong nước, Hoa Kỳ — quốc gia chỉ có 1,5 triệu giáo viên toán và phải nhập khẩu kiến thức về môn học này từ Đông Á và Nam Á — cần triển khai một chương trình đào tạo một triệu giáo viên toán trong vòng một thập kỷ. Việc nhận sinh viên vào đại học sẽ trở nên vô nghĩa nếu họ, thiếu vắng ngôn ngữ chung của khoa học, kỹ thuật, máy tính và kinh tế, chỉ có thể học những gì liên quan đến chính mình và những bất mãn cá nhân.

Chính phủ và các nhà tài trợ cần chuyển hướng một phần lớn nguồn lực tài trợ giáo dục đại học sang các trường cao đẳng cộng đồng có thành tích vượt trội hoặc đạt được các chỉ số hiệu suất. Các bang nên triển khai một chiến lược mạnh mẽ để phát triển các trường dạy nghề và đào tạo, có thể là thông qua việc tái thiết lập chúng trong các trường trung học hiện có hoặc mở các trường dạy nghề độc lập mới, hợp tác với các doanh nghiệp ở cấp cơ sở. Ngoài nguồn nhân lực, Hoa Kỳ cần khởi động một “con sốt” xây dựng nhà ở bằng cách giảm mạnh các quy định về môi trường và loại bỏ các trợ cấp cho các nhà xây dựng, để thị trường tự điều tiết. Đồng thời, quốc gia cũng cần thiết lập nghĩa vụ phục vụ quốc gia cho thanh niên, có thể kèm theo yếu tố liên thế hệ, nhằm tái tạo ý thức công dân rộng rãi và cảm giác rằng tất cả mọi người đều có trách nhiệm chung trong cuộc sống này.

Chỉ có duy nhất đầu tư vào con người, nhà ở và tái khôi phục tinh thần công dân ở quy mô tương tự như những cuộc huy động ấn tượng trong Chiến tranh Lạnh xung quanh khoa học và các dự án quốc gia tự nó sẽ không thể đảm bảo cơ hội bình đẳng ngay trong nước. Tuy nhiên, những chính sách như vậy sẽ là một khởi đầu quan trọng, là sự trở lại với công thức đã được kiểm nghiệm và giúp xây dựng sức mạnh quốc gia của Mỹ song hành với vai trò lãnh đạo quốc tế của đất nước này. Hoa Kỳ có thể một lần nữa trở thành biểu tượng của cơ hội cả ở trong nước lẫn quốc tế, thu hút thêm nhiều bạn bè và trở nên mạnh mẽ hơn trong việc đối phó với bất kỳ hình thức nước Nga nào sẽ nổi lên trong tương lai. Ví dụ và thực tiễn kinh tế của Mỹ đã từng định hình quỹ đạo của Nga trước đây, và nó hoàn toàn có thể làm điều đó một lần nữa, lần này với ít ảo tưởng hơn.

Stephen Kotkin là Nghiên cứu viên cao cấp Kleinheinz tại Viện Hoover thuộc Đại học Stanford. Ông là tác giả của cuốn sách sắp phát hành **Stalin: Totalitarian Superpower, 1941–1990s (Stalin: Siêu Quyền Lực Toàn Trị, 1941-1990)**, cuốn cuối cùng trong bộ tiểu sử ba tập của mình về Stalin.

Stephen Kotkin, “The Five Futures of Russia,” *Foreign Affairs*, 18/4/2024.

Biên dịch: Phong trào Duy Tân.